



Ngôi nhà mới Ước mơ mới

Báo cáo thường niên 2020

Mục lục

Chương 01:

Tổng quan về MBS

Giới thiệu chung	14
Lĩnh vực hoạt động	14
Mạng lưới	15
Sơ đồ tổ chức	16
Danh hiệu và giải thưởng đạt được	17
Thông tin dành cho cổ đông	18
Giới thiệu Hội đồng quản trị	20
Giới thiệu Ban Kiểm soát	22
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc	24
Quản trị rủi ro	26

Chương 02:

Quản trị doanh nghiệp

Thành viên, cơ cấu và hoạt động của Hội đồng quản trị	32
Các tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị	34
Thành viên, cơ cấu và hoạt động của Ban Kiểm soát	36
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	39

Chương 03:

Kết quả hoạt động kinh doanh 2020 Định hướng chiến lược 2020

Tổng quan trị trường chứng khoán	42
Báo cáo của Hội đồng quản trị	44
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	50
Báo cáo của Ban Kiểm soát	56
Định hướng chiến lược 2021	58

Chương 04:

Báo cáo phát triển bền vững

Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững	62
Các chỉ số phát triển bền vững năm 2020	63
Mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan	64
Cơ chế tiếp nhận ý kiến giữa các bên liên quan và đánh giá tổng quát kết quả hoạt động của MBS với các bên liên quan	66
Đánh giá các vấn đề trọng yếu	68
Định hướng chiến lược phát triển	74

Chương 05:

Báo cáo tài chính

Thông tin chung	78
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	80
Báo cáo Kiểm toán độc lập	81
Báo cáo tình hình tài chính	82
Báo cáo kết quả hoạt động	90
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	92
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	96
Thuyết minh báo cáo tài chính	98

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Với phương châm "Phát triển nhanh, đột phá, chuyển đổi số, hiệu quả", chúng tôi mong muốn mang lại thêm nhiều lợi ích và giá trị tới Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Quý Khách hàng, cũng như toàn thể CBNV.



Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý đối tác và CBNV MBS!

Năm 2020 là một năm đầy thử thách đối với hoạt động kinh doanh của MBS khi đứng trước diễn biến bất ngờ của dịch bệnh. Bên cạnh đó, sự biến động mạnh của TTCK cũng như áp lực cạnh tranh quyết liệt trong ngành đã tạo ra thách thức rất lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

Mặc dù vậy, chiến lược kinh doanh dựa trên hai trụ cột chính là Bán lẻ và Dịch vụ ngân hàng đầu tư đã thể hiện tầm nhìn đúng đắn của MBS khi tổng kết năm tài chính 2020, lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 336 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2019 và là mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây.

Về mảng dịch vụ môi giới, MBS giữ vị trí Top 6 thị phần môi giới cổ phiếu cơ sở trên cả 2 sàn HOSE & HNX. Công ty đã chuyển đổi nhanh, đúng định hướng mô hình kinh doanh, phối hợp với MB ra mắt một số sản phẩm mới như mở tài khoản chứng khoán qua App MBBank, là 1 trong 4 công ty chứng khoán (CTCK) đầu tiên ứng dụng công nghệ eKYC, là 1 trong 2 CTCK cho phép khách hàng giao dịch chứng khoán qua App Ngân hàng, sử dụng các dịch vụ tài chính qua App...).

Về mảng dịch vụ ngân hàng đầu tư (IB), MBS đã hoàn thành nhiều giao dịch với doanh thu và lợi nhuận cao, tăng trưởng đáng kể so với các năm trước. Đặc biệt với lợi thế là một trong những CTCK đứng đầu thị trường và đồng thời là công ty thành viên của một trong những ngân hàng lớn nhất Việt Nam, MBS có năng lực cạnh tranh cao trong mảng tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Về mảng dịch vụ tài chính, MBS luôn đặt mục tiêu gắn việc tăng trưởng dịch vụ tài chính với đảm bảo công tác quản trị rủi ro và bảo vệ khách hàng. Mặc dù TTCK biến động mạnh trong năm 2020 song công ty vẫn quản lý tốt dư nợ và không phát sinh nợ xấu trong hoạt động.

Trong năm 2020, MBS đã tổ chức nhiều hội thảo phân tích tài chính cho nhà đầu tư chuyên nghiệp trong đó nổi bật là chương trình MBS's Talk lần đầu tiên được kết hợp trình bày trực tiếp và online. Những kết quả tích cực và thành công bước đầu trong thời gian qua chính là động lực để chúng tôi tiếp tục nghiên cứu, phát triển và cung cấp tới các thành viên thị trường những sản phẩm hoàn thiện và vượt trội trong tương lai.

Năm 2021 cũng là năm MBS tiếp tục xây dựng chiến lược cho giai đoạn phát triển 2021-2025. Với phương châm "Phát triển nhanh, đột phá, chuyển đổi số, hiệu quả", chúng tôi mong muốn mang lại thêm nhiều lợi ích và giá trị tới Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Quý Khách hàng, cũng như toàn thể CBNV bằng năng lực quản trị tài sản, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư, tăng cường sức mạnh nội lực, phát triển tối đa các sản phẩm công nghệ và không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ ngày một hoàn thiện hơn.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới các quý vị cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể CBNV đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng MBS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

Lê Viết Hải

Tâm nhìn



Công ty cung cấp các dịch vụ chứng khoán tốt nhất cho Khách hàng.

Sứ mệnh



Mang đến cơ hội đầu tư và tăng trưởng tài chính cho từng Khách hàng và Cổ đông

Giá trị cốt lõi



Sáng tạo đi kèm thực tiễn



Tôn trọng và học tập



Mẫn cán



Tinh thần đồng đội

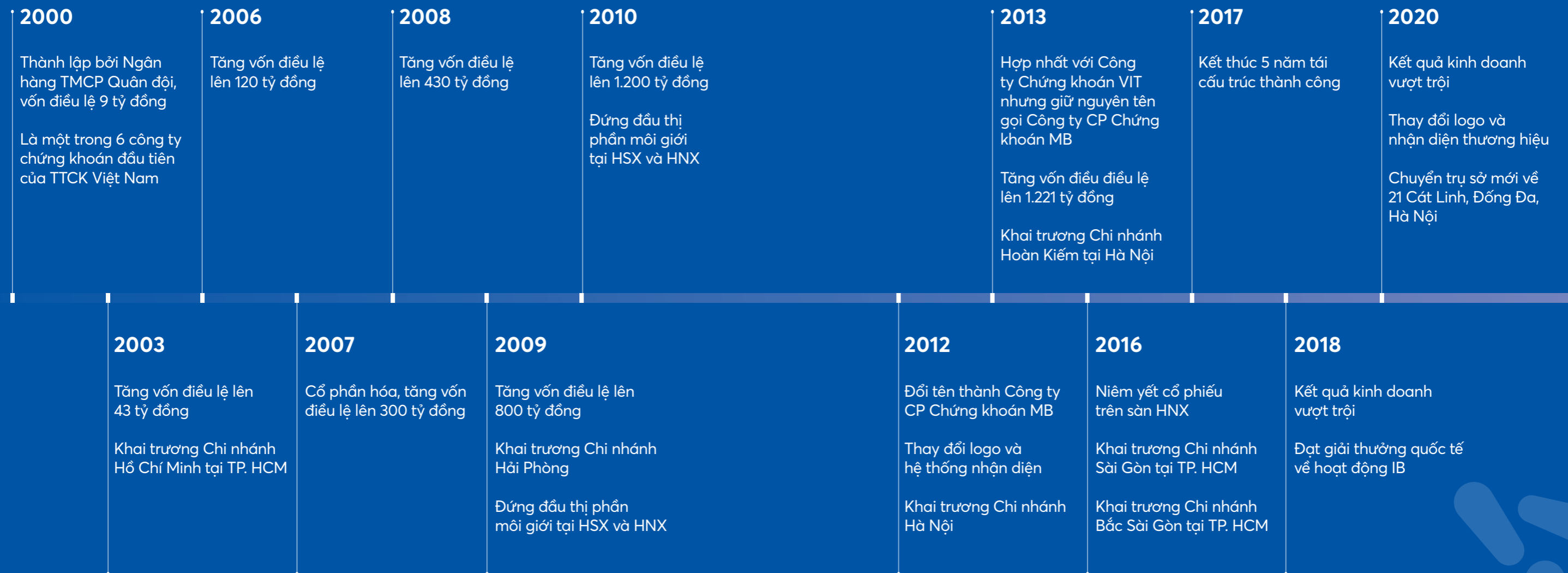


Trách nhiệm và phát triển cộng đồng



Chặng đường phát triển

Sơ đồ phát triển qua các năm



Kết quả tài chính nổi bật năm 2020

Trong bối cảnh chung thị trường chứng khoán diễn biến khó lường, năm 2020 MBS đã đạt được kết quả kinh doanh cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu năm 2020 đạt 1.121,6 tỷ đồng, bằng 117% so với năm 2019, hoàn thành 155% kế hoạch cả năm 2020.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2020 của MBS đạt 336,1 tỷ đồng, bằng 168% kế hoạch cả năm, tương đương 116% so với năm 2019.

Tổng doanh thu

TH 2020

1.121,6
tỷ đồng

KH 2020

720
tỷ đồng

TH 2020 / TH 2019 117%

TH 2020 / KH 2020 155%

TH 2019

957,1
tỷ đồng

Tổng chi phí

TH 2020

785,5
tỷ đồng

KH 2020

520
tỷ đồng

TH 2020 / TH 2019 117%

TH 2020 / KH 2020 151%

TH 2019

668,5
tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế

TH 2020

336,1
tỷ đồng

KH 2020

200
tỷ đồng

TH 2020 / TH 2019 116%

TH 2020 / KH 2020 168%

TH 2019

288,6
tỷ đồng

Ngôi nhà của sự gắn kết



Nền móng của Ngôi nhà MBS được xây dựng từ sự gắn kết của các thành viên trong công ty cũng như sự gắn kết xuyên suốt giữa mục tiêu và thực thi trong tất cả các hoạt động của chúng tôi.

Sự gắn kết ấy tạo nên giá trị nền tảng cho ngôi nhà chứng khoán MB để dẫu có sóng gió thì vẫn cùng nhìn về một hướng, chung sức, đồng lòng tạo nên kỳ tích. Ở một năm đầy biến động như 2020, chúng tôi đã đồng lòng chung sức để tạo nên kết quả phi thường trong vòng 10 năm trở lại đây.

Chương 01: Tổng quan về MBS

Giới thiệu chung	14
Lĩnh vực hoạt động	14
Mạng lưới	15
Sơ đồ tổ chức	16
Danh hiệu và giải thưởng đạt được	17
Thông tin dành cho cổ đông	18
Giới thiệu Hội đồng quản trị	20
Giới thiệu Ban Kiểm soát	22
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc	24
Quản trị rủi ro	26

Giới thiệu chung

Ngày thành lập	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12/2020)
11/05/2000	1.643.310.840.000 đồng	2.060.368.472.704 đồng
Trụ sở Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, quận Đống Đa, TP. Hà Nội	Mã cổ phiếu: MBS - niêm yết tại SGDCK Hà Nội	



Mạng lưới

Khu vực phía Bắc

Hội sở

Địa chỉ: Tầng 7 - 8, Tòa nhà MB,
21 Cát Linh, quận Đống Đa, TP.
Hà Nội
Điện thoại: +84 24 7304 5688
Website: www.mbs.com.vn

Sở Giao dịch 01

Tầng 3, Tòa nhà MB, số 3 Liễu
Giãi, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: +84 24 3726 2600,
máy lẻ: 6815

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 05, Tòa nhà Thăng
Long, 98A Ngụy Như Kon Tum,
Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Điện thoại: +84 24 7304 7373,
máy lẻ 8299

Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà MB, Số 6 -
Lô 30A, Lê Hồng Phong, Quận Ngô
Quyển, TP. Hải Phòng
Điện thoại: +84 22 5382 1886,
máy lẻ 101

Khu vực phía Nam

Văn phòng Khu vực phía Nam

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Sunny,
số 259 Trần Hưng Đạo, Quận 1,
TP. HCM
Điện thoại: +84 28 3920 3388,
máy lẻ 100

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Sunny,
số 259 Trần Hưng Đạo, Quận 1,
TP. HCM
Điện thoại: +84 28 3920 3388,
máy lẻ 100

Chi nhánh Sài Gòn

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Havana,
132 Hàm Nghi, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: +84 28 7304 7575,
máy lẻ 8620

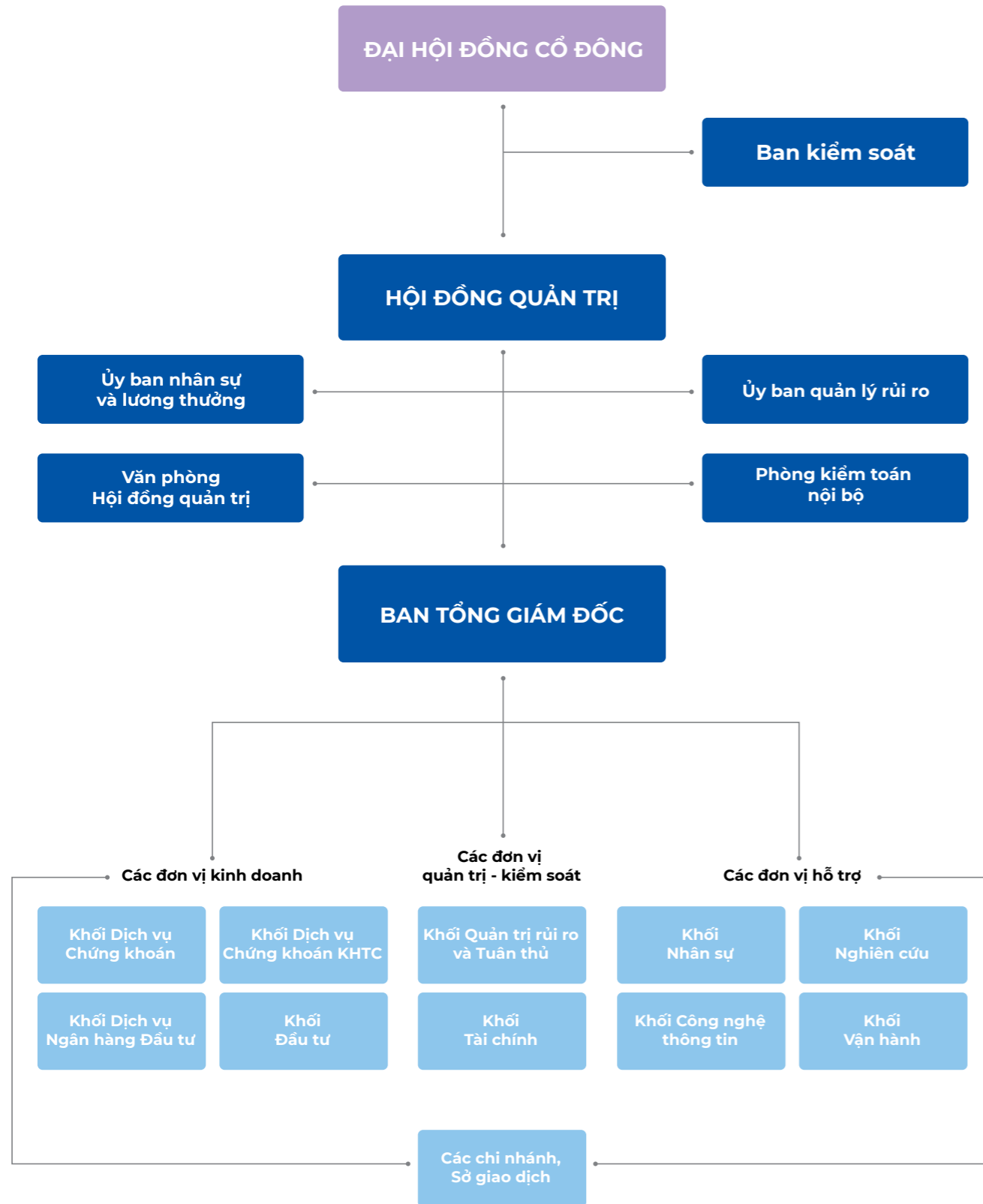
Chi nhánh Bắc Sài Gòn

Địa chỉ: Tòa nhà Prince Residence,
Số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, Quận
Phú Nhuận, TP. HCM
Điện thoại: +84 28 7304 7575,
máy lẻ 8747

Sở Giao dịch 02

Địa chỉ: Tầng 21, tòa nhà
Mê Linh Point, số 02 Ngô Đức Kế,
Phường Bến Nghé, Quận 1,
TP. HCM
Điện thoại: +84 28 73047575,
máy lẻ: 8465

Sơ đồ tổ chức



Danh hiệu và giải thưởng đạt được



Bằng khen của Bộ Tài chính dành cho Công ty chứng khoán có nhiều thành tích đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2018 – 2019



Doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu trên HNX năm 2019 – 2020



Công ty có đóng góp cho sự phát triển của HOSE và TTCK Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020

Thông tin dành cho cổ đông



1. Cổ phần

Tổng số lượng cổ phần MBS

164.331.084

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do

164.331.084

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng

0

2. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I. Cổ đông có tỷ lệ sở hữu > 5%	01	134.654.024	81.94%
Ngân hàng TMCP Quân đội	01	134.654.024	81.94%
II. Cổ đông có tỷ lệ sở hữu < 5%	1.881	29.677.060	18.06%
Tổng cộng (I+II)	1.881	164.331.084	100%

Cơ cấu cổ đông theo loại hình

Cổ đông	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
I. Cổ phiếu quỹ	-	8.283	8.283	0.01%
II. Cổ đông khác	-	164.322.801	164.322.801	99.99%
Tổ chức trong nước	-	135.054.268	135.054.268	82.18%
Cá nhân trong nước	-	29.195.097	29.195.097	17.77%
Tổ chức nước ngoài	-	21.076	21.076	0.01%
Cá nhân nước ngoài	-	52.360	52.360	0.03%
Cổ đông Nhà nước	-	-	-	0.00%
Tổng cộng (I+II)	-	164.331.084	164.331.084	100.00%

Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2020

Nội dung	Số lượng cổ phiếu quỹ tại 01/01/2020	Số lượng cổ phiếu quỹ thay đổi (tăng) trong kỳ	Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2020
Số lượng cổ phiếu quỹ	8.048	1.506	9.554

Ghi chú: Trong năm 2020 số lượng cổ phiếu quỹ thay đổi do mua lại 1.506 cổ phiếu lẻ của nhà đầu tư.

Giới thiệu Hội đồng quản trị

Ông Lê Viết Hải Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Lê Viết Hải hiện là Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội (MB). Ông Hải tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính tín dụng và bảo vệ Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học California Miramar, Mỹ. Ông Hải có gần 25 năm gắn bó với Ngân hàng TMCP Quân đội với các trọng trách được giao như Giám đốc MB Hoàng Quốc Việt, GD Khối SME, GD Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Chánh VP HĐQT. Với cương vị Chủ tịch HĐQT MBS, Ông Hải đã chỉ đạo công ty thực hiện nhiều chương trình lớn như thay đổi mô hình tổ chức, xây dựng chiến lược kinh doanh, thực hiện chuyển đổi số toàn diện, tái cơ cấu các hoạt động kinh doanh và hỗ trợ giúp tăng cường hiệu quả toàn Công ty và nâng cao trải nghiệm khách hàng.



Ông Vũ Thành Trung - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Vũ Thành Trung tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế đối ngoại tại Đại học Ngoại thương Hà Nội và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh chuyên ngành tài chính tại trường International University of Japan. Với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, ông Trung từng giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB, Phó Giám đốc Ban đầu tư Ngân hàng TMCP Quân đội (MB); Chánh văn phòng CEO MB. Hiện tại, với cương vị là thành viên Ban Điều hành kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng số MB, Phó Chủ tịch HĐQT của MBS, ông Trung đã có nhiều đóng góp vào quá trình thực hiện chuyển đổi số của MB nói chung và MBS nói riêng. Ngoài ra, ông Trung tham gia chỉ đạo các hoạt động kinh doanh, CNTT, phát triển các sản phẩm liên kết, bán chéo, thúc đẩy quan hệ hợp tác MBS, MB.



Ông Trần Hải Hà - Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Trần Hải Hà hiện là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc MBS. Ông Hà tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành tài chính ngân hàng và bảo vệ Thạc sĩ Tài chính doanh nghiệp và Kiểm soát quản trị tại trường Đại học Toulonvar, Cộng hòa Pháp. Ông Hà đã có gần 20 năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, trong đó có gần 10 năm kinh nghiệm trong ngành chứng khoán. Hiện tại, Ông Hà còn đảm nhiệm vai trò là Phó Chủ tịch Hiệp Hội Đầu tư và Kinh doanh chứng khoán Việt Nam (VASB).



Ông Hà giữ vai trò then chốt và quan trọng trong quá trình điều hành và phát triển MBS, đặc biệt từ những năm tái cấu trúc cho đến nay. Việc MBS tái cấu trúc thành công đã mở ra một tương lai phát triển mới cho MBS, khẳng định vị thế của một công ty chứng khoán lớn trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Đặc biệt, Ông Hà đã điều hành công ty, xây dựng và triển khai thành công chiến lược kinh doanh giai đoạn 2015-2020, đạt nhiều kết quả tích cực với quy mô và lợi nhuận tăng trưởng mạnh, thực hiện điều chỉnh mô hình tổ chức theo hướng tối ưu, không ngừng phát triển các mảng kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ mới và tăng trải nghiệm khách hàng.

Bà Trần Thị Kim Thanh - Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Trần Thị Kim Thanh nguyên là Phó Giám đốc Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB). Bà Kim Thanh bảo vệ Thạc sĩ tại Đại học Ngoại thương. Với chuyên môn và kinh nghiệm công tác lâu năm trong ngành Tài chính Ngân hàng, bà Thanh từng giữ nhiều vị trí quan trọng như Trưởng phòng Vốn, Trưởng phòng Đầu tư tại VCB. Trong thời gian là thành viên HĐQT MB, bà Thanh đã cùng HĐQT MB thông qua nhiều Nghị quyết, Quyết định quan trọng về tái cơ cấu, sắp xếp lại các công ty con, phương thức quản trị các công ty con theo mô hình tập đoàn, tham gia việc theo sát các khuyến nghị của đối tác tư vấn chiến lược MB đảm bảo chiến lược tập đoàn được triển khai hiệu quả.



Bà Nguyễn Minh Hằng - Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Minh Hằng hiện là Giám đốc Khối đầu tư của Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB). Bà Minh Hằng tốt nghiệp chuyên ngành Ngân hàng - Tài chính đồng thời bảo vệ Thạc sĩ chuyên ngành Ngân hàng - Tài chính tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội. Bà Minh Hằng có nhiều năm gắn bó với MB với các chức danh như Trưởng phòng Quản lý tín dụng Hội sở, Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro. Bà Minh Hằng đã tham gia nhiều dự án trọng điểm của MB và có đóng góp tích cực giúp hoạt động quản trị rủi ro của MB an toàn, hiệu quả, tiệm cận thông lệ quốc tế. Là Thành viên HĐQT MBS, bà Hằng tham gia chỉ đạo Công ty thực hiện đổi mới mô hình hoạt động, đóng góp nhiều đối với công tác quản trị rủi ro và hoạt động bán chéo với MB Group.



Giới thiệu Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Kim Chung
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Kim Chung tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Học viện Tài chính và có chứng chỉ kế toán viên chuyên nghiệp (CA); CPIA Australia. Bà Chung có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí tại MBS như Kiểm soát, Trưởng sàn giao dịch, Trưởng phòng Nghiệp vụ. Hiện nay bà Chung là Trưởng ban kiểm soát MBS nhiệm kỳ 2018-2023.



Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh hiện là chuyên viên cao cấp, Phòng quản lý các công ty, Khối Đầu tư, Ngân hàng TMCP Quân đội. Bà Quỳnh tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp và bảo vệ Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại Viện Quản trị & Công nghệ FSB, Đại học FPT. Bà Quỳnh đã có 6 năm kinh nghiệm tại Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital) và gần 9 năm gắn bó với Ngân hàng TMCP Quân đội.



Bà Vũ Thị Hương
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Hương hiện là Trưởng bộ phận Kiểm toán tài chính, Cơ quan Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Quân đội. Bà Hương tốt nghiệp trường Đại học Hà Nội, ngành Quản trị tài chính, đã có 4 năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và hơn 7 năm kinh nghiệm tại Ngân hàng TMCP Quân đội.



Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Hải Hà Tổng Giám đốc

Ông Trần Hải Hà hiện là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc MBS. Ông Hà tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành tài chính ngân hàng và bảo vệ Thạc sĩ Tài chính doanh nghiệp và Kiểm soát quản trị tại trường Đại học Toulonvar, Cộng hòa Pháp. Ông Hà đã có gần 20 năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, trong đó có gần 10 năm kinh nghiệm trong ngành chứng khoán.

Hiện tại, Ông Hà còn đảm nhiệm vai trò là Phó Chủ tịch Hiệp Hội Đầu tư và Kinh doanh chứng khoán Việt Nam (VASB). Ông Hà giữ vai trò then chốt và quan trọng trong quá trình điều hành và phát triển MBS, đặc biệt từ những năm tái cấu trúc cho đến nay. Việc MBS tái cấu trúc thành công đã mở ra một tương lai phát triển mới cho MBS, khẳng định vị thế của một công ty chứng khoán lớn trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Đặc biệt, Ông Hà đã điều hành công ty, xây dựng và triển khai thành công chiến lược kinh doanh giai đoạn 2015-2020, đạt nhiều kết quả tích cực với quy mô và lợi nhuận tăng trưởng mạnh, thực hiện điều chỉnh mô hình tổ chức theo hướng tối ưu, không ngừng phát triển các mảng kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ mới và tăng trải nghiệm khách hàng.



Bà Phùng Thị Thanh Hà - Phó Tổng Giám đốc

Bà Phùng Thị Thanh Hà hiện là Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác quản trị rủi ro, nghiệp vụ, pháp chế của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Bà Hà tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế tại trường Đại học Méditerranée - Aix Marseille II (Pháp) chuyên ngành quản trị doanh nghiệp. Bà Hà có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và có nhiều đóng góp đáng kể trong việc xây dựng và vận hành hệ thống quản trị rủi ro của MBS đảm bảo tái cấu trúc thành công, góp phần vào việc đưa MBS trở thành công ty chứng khoán có vị thế trên thị trường. Trước khi làm việc tại MBS, bà Hà từng giữ nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng TMCP Quân đội như Trưởng Bộ phận tái thẩm định SME, Trưởng Bộ phận tái thẩm định Khách hàng cá nhân, Phó phòng Thẩm định Hội sở và Trưởng phòng Quản trị rủi ro tại MBS.



Ông Lê Thành Nam - Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Thành Nam hiện là Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khu vực phía nam của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Ông Nam tốt nghiệp trường Đại học Bách Khoa Hà Nội chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp. Giữ cương vị phụ trách hoạt động của MBS tại Khu vực phía Nam, ông Nam đã xây dựng và thu hút được được đội ngũ môi giới lớn mạnh, tâm huyết, đem lại nhiều bước đột phá về kết quả kinh doanh, góp phần phát triển thương hiệu cũng như mở rộng thị phần của MBS tại khu vực phía nam. Trước khi về MBS, ông Nam từng có nhiều năm đảm nhiệm các chức vụ quan trọng tại các doanh nghiệp như: Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty CP Dịch vụ thương mại Giấy Việt; thành viên HĐQT Công ty CP DIC số 4; thành viên HĐQT Công ty địa ốc Hoàng Quân và thành viên HĐQT Công ty CP Thuốc thú y Cai Lậy.



Bà Nguyễn Thị Việt Oanh - Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Việt Oanh là Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính, nguồn vốn, đầu tư của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Bà Oanh tốt nghiệp cử nhân kinh tế - Học viện Ngân hàng, và là thạc sĩ Quản trị kinh doanh thuộc đại học Benidictine - Chicago, Hoa Kỳ. Bà Oanh đã có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, đầu tư và M&A, tham gia thành lập Công ty MB Ageas Life, Công ty Tài chính tiêu dùng Mcredit - liên doanh MB và Ngân hàng Shinsei Nhật Bản. Trong quá trình làm việc tại MBS, Bà Oanh đã góp phần vào sự phát triển của hoạt động IB và nguồn vốn, mang lại nhiều thành quả cho MBS. Bà Oanh từng giữ nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng TMCP Quân đội như: Phó phòng phân tích & tư vấn đầu tư, Trưởng phòng đầu tư tài chính, Trưởng phòng đầu tư chiến lược đồng thời kiêm nhiệm các vị trí quản lý khác như: Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Tài chính Sông Đà, Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên HĐQT - Công ty Quản lý Quỹ MBCapital. Từ tháng 01/2021, bà Oanh chuyển công tác về MBBank



Ông Lê Văn Tuấn - Thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Tuấn hiện là thành viên Ban Điều hành, phụ trách Công nghệ thông tin của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Ông Tuấn tốt nghiệp Thạc sĩ tại trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội chuyên ngành công nghệ thông tin, thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Benedictine USA. Ông Tuấn có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ thông tin, đặc biệt trong ngành tài chính và từng tham gia nhiều dự án lớn về quản trị và phát triển hệ thống CNTT của Ngân hàng MB. Ông Tuấn đã có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ và hệ thống công nghệ thông tin, góp phần giúp MBS đạt được những kết quả quan trọng trong quá trình chuyển dịch số. Trước khi công tác tại MBS, ông Tuấn từng giữ nhiều vị trí quan trọng mảng công nghệ tại Ngân hàng TMCP Quân đội như: Phó Giám đốc Trung tâm CNTT, Giám đốc Trung tâm Phát triển - Khối Công nghệ thông tin và Phó Giám đốc Khối Công nghệ thông tin.

Quản trị rủi ro

Tổng quan hoạt động quản trị rủi ro



Trong dòng xu hướng chuyển dịch số mạnh mẽ về kinh doanh và vận hành tại MBS, hoạt động quản lý rủi ro đứng trước những thách thức mới đó là quản lý rủi ro công nghệ và hoạt động liên tục, đồng thời việc vận dụng các mô hình phân tích nhằm nhận diện cảnh báo rủi ro sớm đã được công ty chú trọng nghiên cứu để ứng dụng nâng cao hiệu quả quản trị của công ty.

Quản trị rủi ro chặt chẽ luôn là nền tảng quan trọng xuyên suốt các giai đoạn phát triển của MBS. Công ty luôn quán triệt trên toàn hệ thống, từ định hướng của Hội đồng quản trị tới hoạt động của các phòng ban đơn vị và từng nhân sự về văn hóa rủi ro và văn hóa tuân thủ, nhằm đảm bảo công ty đạt được mục tiêu kinh doanh hiệu quả và gắn liền với lợi ích của khách hàng.

Xây dựng bộ máy quản trị rủi ro đồng hành cùng kinh doanh là tiền đề vững chắc để hỗ trợ thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược, giúp công ty lớn mạnh và phát triển bền vững. MBS vận hành hoạt động quản lý rủi ro theo mô hình ba tuyến phòng vệ, tiệm cận thông lệ quốc tế. Vai trò quản lý cấp cao được nhấn mạnh, các tuyến phòng thủ hoạt động khách quan, liên tục nhằm phát hiện kịp thời và ngăn chặn các sự kiện rủi ro có thể phát sinh gây thiệt hại cho công ty.

Chính sách quản lý rủi ro được rà soát và cập nhật hàng năm, kịp thời bổ sung các tiêu chí quản trị phù hợp với thực tiễn kinh doanh và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới. Việc truyền thông nâng cao nhận thức rủi ro, văn hóa rủi ro được thực hiện tới từng nhân viên qua các hình thức đào tạo trực tiếp, thông qua các bài học rủi ro định kỳ, các bản tin tuân thủ pháp luật,... Từ đó mỗi đơn vị đều có những tiêu chí giám sát rủi ro tại chính đơn vị mình.

Trong dòng xu hướng chuyển dịch số mạnh mẽ về kinh doanh và vận hành tại MBS, hoạt động quản lý rủi ro đứng trước những thách thức mới đó là quản lý rủi ro công nghệ và hoạt động liên tục, đồng thời việc vận dụng các mô hình phân tích nhằm nhận diện cảnh báo rủi ro sớm đã được công ty chú trọng nghiên cứu để ứng dụng nâng cao hiệu quả quản trị của công ty.

Quản trị rủi ro

Các rủi ro đặc thù và cách thức quản trị rủi ro

Rủi ro thị trường



Tại MBS việc theo dõi cập nhật tình hình thị trường, tình hình cổ phiếu và đánh giá thường xuyên được các đơn vị phối hợp chặt chẽ và nhịp nhàng. Dự báo đúng xu hướng thị trường kết hợp quan điểm kinh doanh thận trọng đã giúp công ty bảo toàn danh mục đầu tư và cảnh báo Khách hàng trước những đợt sụt giảm mạnh của thị trường do tác động của dịch Covid 19.

Với mục tiêu kiểm soát rủi ro thị trường tốt hơn, trong năm 2020 MBS đã đẩy mạnh việc giám sát hoạt động tự doanh toàn diện bao gồm theo dõi diễn biến danh mục, xây dựng các mô hình dự báo rủi ro và kịch bản ứng phó với rủi ro thị trường trong điều kiện biến động.

Rủi ro thanh toán



Rủi ro thanh toán xảy ra khi công ty không thể thu hồi đầy đủ và đúng hạn các khoản vốn đầu tư, cho vay do đối tác và khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện nhưng không đầy đủ nghĩa vụ như đã cam kết. Rủi ro thanh toán có thể hiện diện trong nhiều hoạt động của công ty nhưng trọng yếu nhất là hoạt động kinh doanh giao dịch ký quỹ.

Để nâng cao hiệu quả công việc, MBS đã đưa Quy trình dịch vụ tài chính lên hệ thống phần mềm CPM, việc tự động hóa luồng quy trình sẽ tối ưu được năng suất lao động của các đơn vị tham gia và tăng cường tính chính xác an toàn của quy trình, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ đến Khách hàng. Đồng thời việc xây dựng danh mục cho vay định kỳ cũng như giám sát kiểm soát chất lượng các khoản giao dịch ký quỹ đã được thực hiện tự động trên hệ thống phần mềm.

Từ những giải pháp nêu trên kết hợp với theo dõi diễn biến thị trường và rà soát danh mục cho vay thường xuyên để khuyến nghị Khách hàng, hoạt động dịch vụ tài chính của MBS vẫn được duy trì ổn định kể cả khi thị trường biến động lớn trong Quý I năm 2020. Theo đó MBS tiếp tục giữ vững 08 năm liên tiếp không phát sinh nợ xấu.

MBS tiếp tục giữ vững 08 năm liên tiếp không phát sinh nợ xấu.

Rủi ro thanh khoản

MBS luôn chú trọng quản lý đảm bảo thanh khoản thông qua lên kế hoạch quản trị nguồn vốn, tính toán dự kiến thu chi, nguồn huy động để có kế hoạch phân bổ đảm bảo cơ cấu vốn hợp lý, đáp ứng đồng thời cả hai tiêu chí đảm bảo nguồn cho các hoạt động của công ty và hiệu quả về mặt chi phí.

Liên tiếp trong những vừa qua, MBS tăng cường thiết lập quan hệ với các ngân hàng để đảm bảo hạn mức giải ngân linh hoạt kịp thời, đồng thời công ty đã thiết lập hệ thống các tiêu chí và báo cáo giám sát thanh khoản, giám sát hiệu quả sử dụng vốn. Các tiêu chí được giám sát hàng ngày và định kỳ theo tần suất phù hợp đã hỗ trợ Ban lãnh đạo ra quyết định kinh doanh nhanh chóng kịp thời, đảm bảo cân bằng giữa hiệu quả và rủi ro.



Rủi ro công nghệ thông tin

Với mục tiêu đẩy mạnh công tác giám sát và xử lý kịp thời các phát sinh liên quan đến CNTT trong thời đại 4.0, năm 2020 MBS có các hành động cụ thể để nâng cao nhận thức, cách thức nhận diện các vấn đề rủi ro tiềm ẩn CNTT đến toàn hệ thống, xác định những tác động ảnh hưởng đến kinh doanh để xây dựng một loạt các giải pháp đầu tư nguồn lực con người, đầu tư quy trình, công nghệ và firewall để nâng cấp các hoạt động quản lý quản trị an ninh an toàn thông tin. Ngoài ra, MBS cũng xây dựng hệ thống kịch bản xử lý rủi ro hoạt động nói chung, rủi ro CNTT nói riêng và thường xuyên đánh giá lại khả năng quản lý hiệu quả các chỉ tiêu đo lường rủi ro CNTT, thiết lập hệ thống thu thập dữ liệu cơ bản, theo dõi hoạt động và đánh giá về hiệu quả của chương trình quản lý rủi ro CNTT so với giai đoạn trước đó.



Rủi ro uy tín – thương hiệu

MBS hiểu rõ ảnh hưởng của rủi ro thương hiệu đến sự sống còn của công ty và tầm quan trọng của thương hiệu đến niềm tin của khách hàng, vì vậy công ty luôn đề cao chữ tín và bảo vệ lợi ích của khách hàng trong mọi hoạt động kinh doanh.

Công ty nhận định rõ ràng rằng khách hàng chính là tài sản và giá trị thương hiệu của công ty, từ đó chúng tôi luôn chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng tại MBS. Các hoạt động truyền thông nội bộ để kết nối và tăng cường nhận thức về giá trị thương hiệu, ý thức về bảo vệ thương hiệu của công ty được tổ chức thường xuyên. Đồng thời MBS tăng cường tính minh bạch trong truyền thông và sẵn sàng ứng phó trước những tình huống phát sinh khi đẩy mạnh phát triển các kênh giao dịch số, các chiến lược truyền thông trên các mạng xã hội, các kênh đại chúng.



Ngôi nhà 4.0



Ngôi nhà MBS từ những viên gạch nền móng đầu tiên sau 20 năm đã được nâng cấp thành Nhà 4.0. Không chỉ cập nhật hình ảnh cho ngôi Nhà với bộ nhận diện mới hòa cùng nhịp chảy của thời đại, chúng tôi đồng thời cải tiến năng lực, giải pháp cho khách hàng với những công nghệ tiên tiến nhất, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

Thay đổi để phù hợp với thời đại nhưng MBS vẫn giữ được những giá trị bản nguyên của mình với kim chỉ nam là mục tiêu trở thành công ty mang đến dịch vụ chứng khoán tốt nhất cho khách hàng.

Chương 02: Quản trị doanh nghiệp

Thành viên, cơ cấu và hoạt động của Hội đồng quản trị	32
Các tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị	34
Thành viên, cơ cấu và hoạt động của Ban Kiểm soát	36
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	39

Thành viên, cơ cấu và hoạt động của Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Chức danh tại các tổ chức khác
Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 60%	Thành viên Hội đồng quản trị - Ngân hàng TMCP Quân đội
Ông Vũ Thành Trung	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị		
Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên Hội đồng quản trị		Giám đốc Khối Đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân đội
Bà Trần Thị Kim Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị		
Trần Hải Hà	Thành viên Hội đồng quản trị	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 40%	

MBS có cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị giàu năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, kế toán, luật và quản trị doanh nghiệp. Các thành viên Hội đồng quản trị luôn có những đóng góp tích cực, nhạy bén và độc lập đối với công việc hoạt động của Công ty.



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thường xuyên tổ chức các phiên họp để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị MBS.

Hội đồng quản trị thực hiện trách nhiệm giám sát toàn diện đối với hoạt động điều hành công ty, thường xuyên chỉ đạo và trao đổi với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo các hoạt động của MBS được tiến hành đúng với Quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị đã tham mưu cho Hội đồng quản trị trong các lĩnh vực nhân sự lương thưởng, quản trị rủi ro. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã phối hợp chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ tổ chức các chương trình kiểm tra hoạt động, kiểm toán toàn diện, kiểm toán đột xuất và kiểm toán chuyên đề đối với các đơn vị trong nội bộ, đảm bảo nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật và quy định nội bộ của MBS.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hiện tại, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị MBS đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó có 01 thành viên độc lập.

Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Nhằm nâng cao hiệu quả quản trị Công ty theo quy định hiện hành cũng như theo tiêu chuẩn quốc tế, Hội đồng quản trị đã thành lập cơ quan Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị và 02 tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị. Nhiệm vụ của cơ quan kiểm toán nội bộ và các tiểu ban là tư vấn và giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc duy trì và tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ Công ty, bao gồm:

Ủy ban quản lý rủi ro

Ủy ban Nhân sự và lương thưởng



Hoạt động của các Tiểu ban trong Hội đồng quản trị

I. Phòng Kiểm toán nội bộ



- Phòng Kiểm toán nội bộ đã thực hiện các hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch, các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- Kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, các hoạt động của MBS (cơ chế, chính sách, thủ tục, quy trình hoặc các vấn đề trong hoạt động) dựa trên mức độ rủi ro (cao, trung bình hoặc thấp) và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của MBS.
- Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; kiến nghị xử lý những vi phạm; đề xuất các biện pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

II. Ủy ban quản lý rủi ro



- Ủy ban quản lý rủi ro đã hỗ trợ giám sát các công việc sau:
- Xây dựng chiến lược quản trị rủi ro, cho ý kiến về chính sách rủi ro phù hợp với chiến lược chung của công ty;
- Giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành, tuân thủ các quy định của pháp luật, các khuyến nghị của cơ quan thanh tra, quy định của MBS, các quyết nghị của Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro của MBS nhằm giảm thiểu các thiệt hại phát sinh rủi ro, tối đa hóa lợi nhuận của công ty.
- Đánh giá sự phù hợp trong công tác quản trị rủi ro của MBS theo nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của MBS và định hướng theo thông lệ quốc tế về quản trị rủi ro để đảm bảo các rủi ro của MBS được quản lý và đánh giá một cách khoa học, thống nhất và hiệu quả. Từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác quản trị rủi ro.
- Đánh giá và đề xuất Hội đồng quản trị trong việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp với yêu cầu quản trị của MBS từng thời kỳ.
- Báo cáo Hội đồng quản trị hiệu quả của Phòng Quản trị rủi ro và công tác quản trị rủi ro trên toàn hệ thống và đưa ra phương hướng khắc phục.

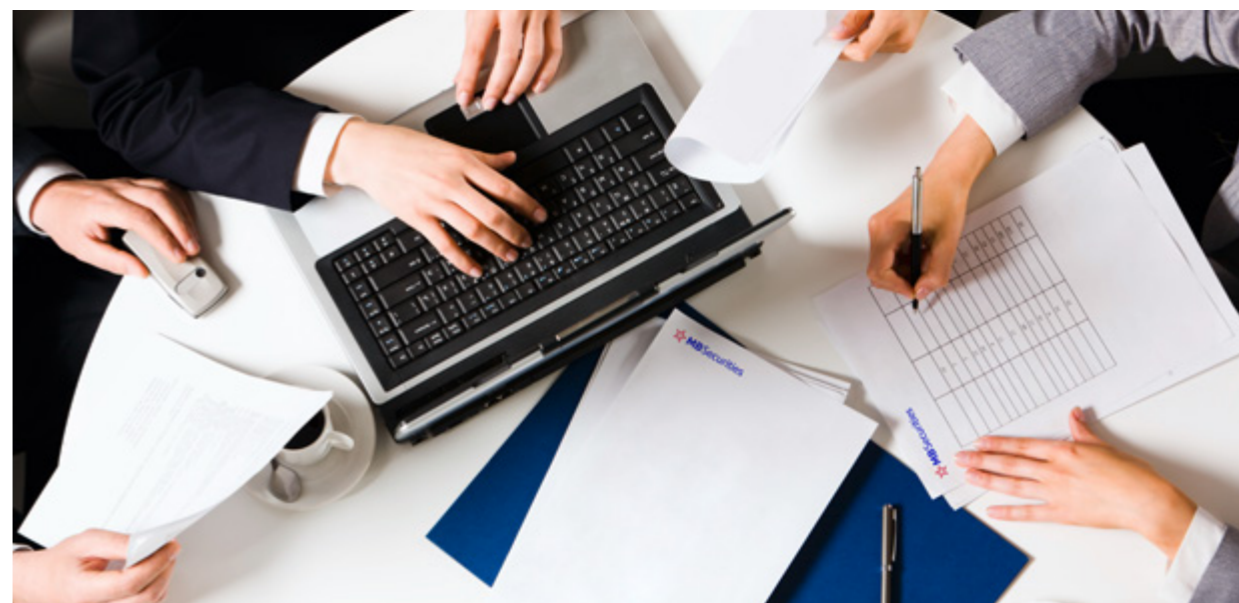
III. Ủy ban Nhân sự và lương thưởng



- Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự, lương thưởng.
- Phối hợp với Khối Nhân sự theo dõi đánh giá chất lượng nhân sự, xem xét năng lực cán bộ, đặc biệt là những cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý trong toàn hệ thống.
- Giải quyết các chế độ cho người lao động đảm bảo cạnh tranh và tuân thủ pháp luật.

Thành viên, cơ cấu và hoạt động của Ban Kiểm soát

STT	Họ & tên	Chức vụ	Số lượng sở hữu CP MBS	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Kim Chung	Trưởng Ban Kiểm soát	4.895	0.004%
2	Nguyễn Thị Diệp Quỳnh	Thành viên Ban Kiểm soát		
3	Vũ Thị Hương	Thành viên Ban Kiểm soát		



01

Thực hiện các nhiệm vụ giám sát theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), gồm: Giám sát thực thi chiến lược; giám sát tài chính, hoạt động quản lý rủi ro; giám sát hoạt động đầu tư mua bán tài sản và thuê ngoài; giám sát hoạt động xử lý thu hồi nợ xấu; giám sát hoạt động giao dịch với các bên liên quan; giám sát triển khai hoạt động kinh doanh mới và tuân thủ Nghị quyết của HĐQT, Ban Kiểm soát.

02

Xây dựng cơ chế báo cáo giám sát đối với Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc định kỳ theo tháng/quý. Kịp thời kiến nghị Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc tuân thủ các chỉ tiêu an toàn tài chính và giới hạn đầu tư theo quy định của Pháp luật; khuyến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực quản trị, điều hành và hiệu quả hoạt động kinh doanh.

03

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị; cho ý kiến đối với các tờ trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh của công ty.

04

Tham gia đóng góp ý kiến trong việc ban hành các quy định nội bộ của công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và hạn chế rủi ro.

05

Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng và 1 năm theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ.

06

Chỉ đạo tổ chức triển khai và hoàn thành kế hoạch hoạt động kiểm toán nội bộ (KTNB) năm 2020. Chỉ đạo KTNB nghiên cứu xây dựng Chiến lược kiểm toán giai đoạn 2021-2025. Đào tạo nâng cao năng lực nguồn nhân sự kiểm toán nội bộ nhằm đáp ứng yêu cầu về kiểm toán theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

07

Tổ chức cuộc họp định kỳ theo đúng quy định của pháp luật. Trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã tổ chức 8 cuộc họp định kỳ và đột xuất thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát. Thông qua đó, Ban Kiểm soát đã tổng hợp, đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty; đánh giá công tác kiểm tra, giám sát trong toàn hệ thống nhằm đưa ra các kiến nghị cần thiết để hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị, điều hành của công ty.



Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

1. Căn cứ chi trả lương, thù lao, thưởng

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/MBS/ĐHĐCĐ-NQ ngày 03/06/2020.
- Quy chế lương và đãi ngộ của công ty
- Quy chế chi tiêu nội bộ
- Quy chế khen thưởng, phúc lợi của Công ty

STT	Chức danh	Chuyên trách	Không chuyên trách	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Hưởng thưởng tháng 13	Hưởng phúc lợi
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị		x		x	x	x
2	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị		x		x	x	x
3	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	x		x	x	x	x
4	Thành viên Hội đồng quản trị		x		x	x	x
5	Thành viên độc lập	x			x	x	x
6	Trưởng Ban Kiểm soát	x		x		x	x
7	Thành viên Ban Kiểm soát		x		x	x	x
8	Phó Tổng Giám đốc	x		x		x	x

2. Các khoản lợi ích khác

Chế độ bảo hiểm sức khỏe, chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm, chế độ sử dụng ô tô, chế độ sử dụng điện thoại, chế độ công tác phí.

Ngôi nhà mới mang ước mơ mới



Năm 2020, MBS chuyển trụ sở sang ngôi nhà mới khang trang và hiện đại hơn, đánh dấu cho những ước mơ và khát vọng của người MBS trong một giai đoạn mới đầy khởi sắc.

Giữ vững niềm tin, kỳ vọng mà nhà đầu tư, đối tác đã dành cho chúng tôi, song hành với sức bật của 2020, chúng tôi đã sẵn sàng cho hành trình mới đầy tham vọng của giai đoạn 2021 - 2025 phía trước.

Chương 03: Kết quả hoạt động kinh doanh 2020 Định hướng chiến lược 2020

Tổng quan trị trường chứng khoán	42
Báo cáo của Hội đồng quản trị	44
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	50
Báo cáo của Ban Kiểm soát	56
Định hướng chiến lược 2021	58

Tổng quan thị trường chứng khoán



Tình hình kinh tế vĩ mô trong nước

GDP năm 2020 tăng

2,91% ▲

so với cùng kì năm 2019

- Kinh tế Việt Nam năm 2020 diễn ra trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh và diễn biến khó lường, có tác động mạnh mẽ và toàn diện đến mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội toàn cầu. Các nền kinh tế lớn đối mặt với tình trạng suy thoái sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua. Bên cạnh đó, tình hình địa chính trị thế giới tiếp tục phức tạp; chủ nghĩa dân tộc cực đoan; cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia, đối tác lớn và xu hướng bảo hộ, xung đột thương mại tiếp tục gia tăng. Bối cảnh đó đặt ra những khó khăn, thách thức lớn đối với nền kinh tế trong nước.

CPI bình quân năm 2020 tăng

3,23% ▲

so với cùng kì năm 2019

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) năm 2020 của Việt Nam đạt mức tăng trưởng rất tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái nghiêm trọng, kinh tế vĩ mô duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo: GDP năm 2020 tăng 2,91%; CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019; lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31% so với bình quân năm 2019.

Thị trường chứng khoán

- Mặc dù chịu tác động nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, Việt Nam đã kiểm soát tốt dịch bệnh, tình hình kinh tế vĩ mô trong nước có nhiều điểm sáng. Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2020 sau khi sụt giảm vào đầu năm đã tăng trưởng mạnh trở lại vào cuối năm nhờ các chính sách nới lỏng tiền tệ của các Ngân hàng Trung ương (NHTW) trên thế giới. Dòng tiền chảy vào các tài sản rủi ro như cổ phiếu để tìm kiếm lợi suất cao trong bối cảnh môi trường lãi suất siêu thấp đang được duy trì trên toàn cầu. Những yếu tố trên đã tác động đến sự gia tăng của thanh khoản và chỉ số trong năm qua. TTCK Việt Nam đã phục hồi bền vững và tăng trưởng ngoạn mục, được đánh giá là 1 trong 10 thị trường chứng khoán có sức chống chịu với đại dịch và phục hồi tốt nhất thế giới.



Việt Nam được đánh giá là 1 trong 10 thị trường chứng khoán có sức chống chịu với đại dịch và phục hồi tốt nhất thế giới.

- Một số chỉ tiêu đáng chú ý của TTCK trong năm 2020 như sau:

- Diễn biến về chỉ số cuối năm 2020: Tính đến ngày 31/12/2020, chỉ số VNIndex 1.103,87 điểm, tăng 15% so với cuối năm 2019, chỉ số HNX-Index 203,12 điểm, tăng 98% so với cuối năm 2019.
- Về mức vốn hóa thị trường: Quy mô vốn hóa của thị trường cổ phiếu đạt gần 5.294 nghìn tỷ đồng, tăng 20,8% so với cuối năm 2019, tương đương với 87,7% GDP năm 2019 và 84,1% GDP năm 2020. Thị trường trái phiếu có 477 mã trái phiếu niêm yết với giá trị niêm yết đạt 1.388 nghìn tỷ đồng, tăng 16,8% so với cuối năm 2019 (tương đương 23% GDP). Số tài khoản nhà đầu tư trong nước mở mới trên thị trường Việt Nam đạt gần 394 nghìn tài khoản, tăng 109% so với năm 2019, khối ngoại mở mới 2.856 tài khoản. Tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam đạt hơn 2,77 triệu tài khoản, tăng 16,7% so với cuối năm 2019.

Quy mô vốn hóa của thị trường cổ phiếu đạt gần

5.294 nghìn tỷ đồng

- Về giá trị giao dịch: Thanh khoản thị trường với quy mô giao dịch bình quân một phiên đạt 7.435 tỷ đồng, tăng 60% so với bình quân năm 2019.
- Thị trường chứng khoán phái sinh: Khối lượng giao dịch bình quân đạt 156.852 hợp đồng/phiên, tăng 77% so với bình quân năm 2019. Tính tại thời điểm 31/12/2020, khối lượng mở OI toàn thị trường đạt 40.339 hợp đồng, tăng 143% so với cuối năm 2019. Toàn thị trường có 9 CTCK tham gia thị trường phát hành Chứng quyền có bảo đảm (CW), với tổng số 222 mã CW được phát hành. Khối lượng giao dịch CW lũy kế cả năm 2020 đạt trên 2,97 tỷ CW với tổng giá trị giao dịch đạt 5.413,73 tỷ đồng.

Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Mặc dù trong điều kiện thị trường chứng khoán diễn biến khó lường và môi trường cạnh tranh gay gắt, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBNV MBS đã nỗ lực, có nhiều sáng kiến trong hoạt động kinh doanh, đạt nhiều kết quả tích cực, cụ thể:

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo thực hiện một số điều chỉnh lớn trong hoạt động quản trị - điều hành như:

- | | |
|--|--|
| <p>1. Rà soát và điều chỉnh mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả;</p> | <p>2. Ban hành mới hệ thống phân cấp thẩm quyền toàn công ty;</p> |
| <p>3. Lựa chọn đối tác tư vấn Chiến lược cho MBS giai đoạn 2021-2025;</p> | <p>4. Sửa đổi bổ sung các Quy chế, Chính sách quan trọng, giảm thiểu các thủ tục hành chính, hồ sơ giấy tờ, rút ngắn thời gian xử lý công việc, tăng hiệu quả...</p> |

Những sự điều chỉnh lớn và kịp thời đã giúp Công ty đạt được sự chuyển biến tích cực trong hoạt động và bước đầu đạt được một số kết quả khả quan:

Lợi nhuận trước thuế năm 2020

336,1
tỷ đồng

Tăng

16% ▲

so với năm 2019

- Lợi nhuận trước thuế năm 2020 tăng trưởng mạnh, là mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây, vượt 68% so với kế hoạch ĐHCĐ giao

Ba yếu tố chính gồm:

(1) Kinh tế vĩ mô ổn định, TTCK Việt Nam ngày càng phát triển; (2) Sự tin tưởng của cổ đông, nhà đầu tư và đối tác đối với MBS; (3) Sự nhiệt huyết, đổi mới, sáng tạo, đoàn kết của tập thể cán bộ nhân viên trong công ty đã giúp MBS tăng trưởng ngày càng bền vững, kinh doanh an toàn, hiệu quả và luôn bám sát các mục tiêu dài hạn.

Kết quả kinh doanh năm 2020 tích cực, lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 336,1 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2019, vượt 68% kế hoạch cả năm. MBS tiếp tục sử dụng hiệu quả Vốn chủ sở hữu với ROE đạt 14,4%.

- Từng bước chuyển đổi số hoạt động môi giới, sắp xếp tổ chức hoạt động tại các chi nhánh phù hợp, hiệu quả

Chuyển đổi nhanh, đúng định hướng mô hình tổ chức kinh doanh hoạt động môi giới, phối hợp với Khối ngân hàng số của MB ra mắt một số sản phẩm mới như mở tài khoản chứng khoán nhanh qua App MBBank, là 1 trong 4 CTCK đầu tiên ứng dụng công nghệ eKYC, là 1 trong 2 CTCK cho phép khách hàng giao dịch chứng khoán qua App Ngân hàng, sử dụng các dịch vụ tài chính qua App...;

- Hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư có nhiều khởi sắc, nằm trong Top 3 các công ty chứng khoán có doanh thu tư vấn tài chính cao nhất thị trường

Thông qua việc đẩy mạnh hoạt động bán chéo với MBBank, mở rộng mối quan hệ với các tổ chức, doanh nghiệp, các Quỹ trong và ngoài nước, các Ngân hàng... MBS tiếp tục duy trì vị trí Top 3 doanh thu tư vấn dịch vụ ngân hàng đầu tư. MBS thực hiện tư vấn phát hành thành công trên 29.398,6 tỷ đồng trái phiếu cho các doanh nghiệp trong năm 2020, tăng 63% so với năm 2019.

- Tư vấn hiệu quả, quản lý tài sản của nhà đầu tư an toàn, minh bạch. Tổ chức nhiều hội thảo phân tích tài chính cho nhà đầu tư chuyên nghiệp trong đó nổi bật là chương trình MBS's Talk lần đầu tiên được kết hợp trình bày trực tiếp và phát live stream trên Facebook

Đội ngũ chuyên gia tư vấn của MBS luôn bám sát thị trường, dự báo đúng xu hướng, khuyến nghị các cơ hội đầu tư sinh lời nhưng vẫn đảm bảo an toàn và giảm thiểu rủi ro thất thoát tài sản cho nhà đầu tư. MBS thường xuyên tổ chức các Hội thảo tư vấn về kinh tế và thị trường chứng khoán đồng thời phối hợp với UBCKNN, HSX, HNX, VSD... để thực hiện các chương trình đào tạo cho khách hàng, cung cấp các bài viết và trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm quảng bá và phát triển thương hiệu MBS.

Đặc biệt trong năm 2020, ứng dụng công nghệ và mạng xã hội, MBS đã tổ chức 2 hội thảo trực tuyến lớn là MBS's Talk 18 và 19 thu hút hơn 23.000 lượt theo dõi trên nền tảng Facebook và sự quan tâm tham gia rất lớn của các nhà đầu tư khắp cả nước.

Top 3 doanh thu tư vấn dịch vụ

Hội thảo MBS's Talk 18 và 19 thu hút hơn

23.000

lượt theo dõi

trên nền tảng Facebook

Báo cáo của Hội đồng quản trị (Tiếp)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội (Tiếp)

- MBS chủ động quản trị rủi ro an toàn hiệu quả, không phát sinh nợ xấu trong nhiều năm liên tiếp

Trong năm 2020, mặc dù nhiều lúc thị trường sụt giảm mạnh bởi các yếu tố khách quan phức tạp khó dự đoán nhưng việc tuân thủ mô hình quản trị rủi ro theo 3 tuyến phòng thủ và khẩu vị rủi ro chặt chẽ đã giúp MBS duy trì tỷ lệ nợ xấu bằng 0 trong khi hoạt động dịch vụ tài chính vẫn tăng trưởng mạnh. Đồng thời, hệ thống quản trị rủi ro trên mọi khía cạnh của công ty tiếp tục phát huy hiệu quả, đảm bảo an toàn cho doanh nghiệp hoạt động.

- Ưu tiên phát triển nguồn lực, hoàn thiện cơ chế lương và đãi ngộ theo năng suất nhằm nuôi dưỡng động lực cho nhân viên và thu hút nhân sự chất lượng cao trên thị trường

MBS tin rằng đội ngũ nhân sự chính là nguồn tài sản quý giá nhất. Nhận thức rất rõ tính cạnh tranh của doanh nghiệp xuất phát từ nguồn nhân lực, công ty luôn nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp để tạo nên một môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết, sáng tạo và sẵn sàng chinh phục mọi khó khăn thử thách.



Số lượng nhân sự đến cuối năm 2020

605
người

Bằng việc đa dạng hóa các kênh tuyển dụng và các chương trình đào tạo cho nhiều đối tượng khác nhau, chất lượng nhân sự tại MBS đã và đang tiếp tục được nâng cao. Số lượng nhân sự đến cuối năm 2020 là 605 người. Trong năm 2020, MBS đã giao nhiệm vụ và tuyển mới một số vị trí quản lý cấp cao. Số lượng cán bộ có bằng CFA, có bằng cấp chuyên môn được đào tạo ở nước ngoài trong đội ngũ nhân sự ngày càng tăng.



2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Căn cứ vào Điều lệ, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Tổng Giám đốc quyết định các công việc kinh doanh hàng ngày của công ty, đồng thời tổ chức thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động do ĐHCĐ và Hội đồng quản trị giao.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng báo cáo định kỳ hàng tháng, quý về kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHCĐ và Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông. Ban Tổng Giám đốc đã chú trọng nâng cao công tác quản lý, quản trị rủi ro và kiểm soát rủi ro. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền và đúng quy định của điều lệ và pháp luật hiện hành. Các hoạt động đoàn thể, phát triển văn hóa doanh nghiệp được tăng cường, tạo được môi trường đoàn kết gắn bó tại công ty.

Báo cáo của Hội đồng quản trị (Tiếp)

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

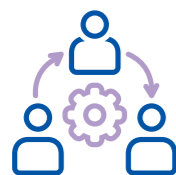
Trong năm 2021, Hội đồng quản trị thống nhất tập trung thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm như sau:

Về Chiến lược



- MBS đã lựa chọn được đối tác hàng đầu thế giới (BCG) để tư vấn xây dựng chiến lược giai đoạn 5 năm tiếp theo (2021-2025). Công ty sẽ triển khai các sáng kiến theo đúng chiến lược, đảm bảo linh hoạt, hiệu quả.
- Tiếp tục tìm đối tác chiến lược nước ngoài, giúp công ty có sự bứt phá trong hoạt động quản trị - điều hành, tăng năng lực tài chính và công nghệ;

Về Tổ chức - Quản trị



- Nâng cao chất lượng bộ máy quản trị điều hành của Hội đồng quản trị – Ban Tổng Giám đốc, phát huy vai trò của các Ủy ban và cơ quan hỗ trợ cho Hội đồng quản trị.
- Về định hướng kinh doanh:
 - Mục tiêu kinh doanh: Doanh thu trên 1300 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế đạt 450 tỷ đồng và ROE tối thiểu 15%; Nằm trong Top 5 về thị phần môi giới và Top 3 về doanh thu IB trên thị trường;
 - Tập trung tăng hiệu quả các hoạt động kinh doanh cốt lõi (dịch vụ môi giới bao gồm kênh môi giới truyền thống – kênh online – khách hàng cao cấp – khách hàng tổ chức; dịch vụ ngân hàng đầu tư, đầu tư tự doanh, kinh doanh trái phiếu...)
 - Phối hợp với các đơn vị MB xây dựng và triển khai mô hình IB tập đoàn để tối ưu hóa lợi thế là công ty con của Ngân hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Về Sản phẩm - Dịch vụ:



- Phát huy thế mạnh của những sản phẩm và dịch vụ hiện có, đồng thời đầu tư nghiên cứu và phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, cụ thể:
 - Ra mắt App MBS mới với các tính năng nổi trội, ứng dụng EKYC mở tài khoản, cung cấp online các sản phẩm/dịch vụ đa dạng của MBS, nâng cao trải nghiệm khách hàng.
 - Hoạt động nghiên cứu, tư vấn cũng được chú trọng đầu tư về chất lượng, triển khai qua các kênh online.
 - Cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian cung cấp sản phẩm/dịch vụ.

Về Công nghệ



- Xu hướng sử dụng các sản phẩm dịch vụ trực tuyến ngày càng trở nên phổ biến: đầu tư, mua sắm, trao đổi thông tin... bao gồm cả lĩnh vực tài chính chứng khoán mà người dùng mong đợi tiếp cận dịch vụ mọi lúc, mọi nơi và trên mọi thiết bị. Theo đó, MBS sẽ tiếp tục đầu tư chuyển đổi số nhằm mang đến cho khách hàng hệ thống giao dịch hiện đại gồm quản trị danh mục đầu tư, trading tự động, tư vấn tự động, hệ thống tài khoản thông minh kết nối với nhiều sản phẩm dịch vụ như cổ phiếu, trái phiếu, chứng quyền có bảo đảm... Đồng thời, MBS sẽ triển khai hệ thống các phần mềm phục vụ công tác quản trị nội bộ để nâng cao hiệu quả công việc và giảm thiểu rủi ro hoạt động.

Về Chính sách nhân sự và đào tạo



- Tiếp tục rà soát và hoàn thiện cơ chế đãi ngộ theo năng suất nhằm gắn liền thu nhập với sự đóng góp và hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân cũng như đảm bảo sự công bằng trong nội bộ, cạnh tranh trên thị trường, nuôi dưỡng động lực cho nhân viên.
- Chủ động hoàn thiện và triển khai Bản đồ Đào tạo của công ty với các chương trình phù hợp dành cho cán bộ nhân viên ở tất cả các cấp bậc nhằm hướng tới một đội ngũ giàu tri thức để hoàn thành tốt công việc, khuyến khích cán bộ nhân viên tiếp tục trau dồi và phát triển sự nghiệp tại MBS, cùng đồng lòng vì mục tiêu chung của tổ chức.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

1. Các hoạt động kinh doanh cốt lõi tại MBS

a. Hoạt động môi giới kích hoạt chuyển đổi số để giữ vững vị thế

Trải qua một năm đầy biến động với diễn biến chỉ số và thanh khoản thị trường nhiều phiên trái chiều, kết quả hoạt động môi giới của MBS trong năm 2020 đạt được như sau:

- Thị phần môi giới năm 2020 của MBS trên sàn HSX và HNX, lần lượt đứng TOP 6 và TOP 7 thị trường. Dựa trên các nguồn lực sẵn có, cùng với các bước đi sáng tạo, đồng thời bám sát định hướng chuyển dịch số toàn diện, MBS đã nỗ lực trụ đạt vị thế thị phần trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt.
- Nhiều chương trình hành động nhằm thu hút nhà đầu tư mở mới tài khoản được áp dụng. Đặc biệt việc nâng cấp, cải tiến chức năng mở tài khoản chứng khoán eKYC từ Ứng dụng MBBank đã gia tăng tài khoản mở mới. Tính đến cuối năm 2020, MBS chăm sóc và tư vấn trên 140.000 tài khoản, tăng 17% so với đầu năm.

Thị phần môi giới năm 2020 của MBS đạt lần lượt

TOP 10
trên sàn HSX

TOP 10
trên sàn HNX

b. Hoạt động Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư – IB kết nối sâu rộng, chuyên nghiệp, tối ưu giá trị cho khách hàng

- MBS duy trì vị thế TOP 3 công ty chứng khoán có doanh thu tư vấn tài chính lớn nhất thị trường. Chất lượng tư vấn đã giúp MBS có thể duy trì tệp khách hàng truyền thống, đồng thời tiếp cận được khách hàng mới. Hoạt động ngân hàng đầu tư cũng củng cố chuỗi giá trị tư vấn, đầu tư và phân phối trái phiếu của MBS qua mối liên kết với các hoạt động môi giới khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức và tự doanh.
- Doanh thu hoạt động tư vấn IB đạt 119,5 tỷ đồng, bằng 98% so với năm 2019. MBS thực hiện tư vấn phát hành thành công trên 29.398,6 tỷ đồng trái phiếu cho các doanh nghiệp trong năm 2020, bằng 163% so với năm 2019. Hoạt động tư vấn M&A tích cực đem về doanh thu cho MBS với việc tăng cường hiện diện của thương hiệu MBS trên các thị trường kết nối mục tiêu, đặc biệt ghi dấu ấn với thành công huy động vốn quốc tế cho MBS.

c. Hoạt động đầu tư khẳng định ưu thế nhanh chóng và sáng tạo trong triển khai các sản phẩm mới

- MBS đã phát hành thành công 7 đợt chứng quyền có bảo đảm (Covered Warrant-CW) trong năm 2020. Danh mục phát hành CW của MBS đa dạng, được định giá hấp dẫn so với các sản phẩm của đối thủ, đáp ứng nhu cầu giao dịch của nhà đầu tư. MBS đứng ở TOP 4 về thanh khoản (khối lượng). Trong số các công ty chứng khoán hàng đầu về phát hành chứng quyền có bảo đảm, MBS là công ty có tỷ lệ chào bán IPO thành công lớn nhất.
- Hoạt động đầu tư bám sát chiến lược bảo toàn vốn trước biến động khó lường của thị trường trong năm 2020. MBS tiếp tục không ngừng tìm kiếm cơ hội đầu tư nhằm gia tăng lợi nhuận cho Công ty.



MBS đứng ở Top 4 CW về thanh khoản (khối lượng)

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (Tiếp)

2. Các nền tảng hỗ trợ kinh doanh

Đóng góp của các hoạt động hỗ trợ kinh doanh của MBS trong năm 2020 luôn bám sát Phương châm hành động “**Củng cố nền tảng, chuyển dịch số; hiệu quả và bền vững**”, cụ thể như sau:

a. Hoạt động Nghiên cứu chuyên sâu với thông tin nhanh, chính xác



Hoạt động nghiên cứu của MBS hỗ trợ đắc lực cho các kênh bán hàng của MBS. Nhà đầu tư tìm đến MBS một phần vì chất lượng tư vấn đầu tư tốt, chất lượng, hàm lượng thông tin đúng và kịp thời.

- Hoạt động nghiên cứu của MBS hỗ trợ đắc lực cho các kênh bán hàng của MBS. Nhà đầu tư tìm đến MBS một phần vì chất lượng tư vấn đầu tư tốt, chất lượng, hàm lượng thông tin đúng và kịp thời. Các kênh tư vấn của MBS được trải đều trên nhiều phương tiện như: tư vấn online, các chương trình hội thảo...
- Các báo cáo phân tích có giá trị đến từ các chuyên gia của MBS đáp ứng được các tiêu chuẩn cao về chất lượng và tiến độ. Vị thế của MBS cũng được nâng cao thông qua các bài phỏng vấn, nhận định thị trường...



b. Nền tảng công nghệ thông tin đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và luôn được cập nhật công nghệ mới nhằm tăng trải nghiệm khách hàng và hướng tới mục tiêu không giới hạn về không gian và thời gian



- Chuyển đổi số trong mọi hoạt động của MBS được hỗ trợ mạnh mẽ bởi nền tảng công nghệ thông tin. Hệ thống thông tin được rà soát và đánh giá toàn diện nhằm để ra các đầu bài và các giải pháp tối ưu, đáp ứng xu thế tất yếu của thị trường, cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Toàn bộ các hệ thống giao dịch của MBS trong năm 2020 được vận hành thông suốt không bị ngắt quãng ảnh hưởng tới giao dịch, hạ tầng cơ sở dữ liệu được nâng cấp và bảo mật tốt.
- Mục tiêu phát triển vì khách hàng được thể hiện qua các dự án đáp ứng nhu cầu khách hàng như: Tối ưu hóa trải nghiệm người dùng với các sản phẩm mới như App MBS, bảng giá giao dịch Plus24, mở mới tính năng mở tài khoản chứng khoán ngay trên App MBBank. Các bộ sản phẩm khác như: FO, Stock24, MStock24, D24... liên tục được cập nhật nâng cấp, tốc độ xử lý nhanh chóng. Nâng cấp và chuyển đổi hệ thống Giao dịch tiền 24/7 giúp khách hàng có thể chuyển tiền vào/ra khỏi tài khoản chứng khoán ngay lập tức, tại bất kỳ thời điểm nào trong ngày, đồng thời khách hàng có thể nộp tiền từ bất cứ ngân hàng nào vào tài khoản chứng khoán tại MBS.

Giao dịch tiền 24/7 giúp khách hàng có thể chuyển tiền vào/ra khỏi tài khoản chứng khoán tại bất kỳ thời điểm nào trong ngày



Toàn bộ các hệ thống giao dịch của MBS trong năm 2020 được vận hành thông suốt, không bị ngắt quãng ảnh hưởng tới giao dịch.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (Tiếp)

2. Các nền tảng hỗ trợ kinh doanh (Tiếp)

c. Quản trị rủi ro xuất sắc, cơ chế phản ứng trước rủi ro được gia tăng phòng chống và chịu đựng



- Hoạt động quản trị rủi ro chuyển đổi mạnh mẽ trong năm 2020. Mô hình quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế với "Mô hình 03 vòng bảo vệ", góp phần nâng cao ý thức và hiệu quả trên toàn hệ thống.
- Công tác quản trị rủi ro được củng cố và chủ động nhờ áp dụng công nghệ thông tin, giúp phòng đoán, đo lường, kiểm đếm các chỉ tiêu định lượng hiệu quả.
- Văn hóa rủi ro được phổ biến rộng rãi, xuất hiện trong các quy trình, quy định, phê duyệt của công ty.
- Với những nỗ lực không ngừng trong năm 2020, công tác quản trị rủi ro hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong xử lý các sự cố rủi ro, vấn đề truyền thông và rà soát rủi ro hoạt động, không phát sinh các khiếu nại khiếu kiện, không để phát sinh nợ xấu về dịch vụ tài chính trước biến động mạnh của thị trường.

Kết luận:

Kết quả kinh doanh năm 2020 MBS đã đạt được một số điểm tích cực như sau:



Bám sát phương châm hành động đã được đề ra, MBS đã linh hoạt trong mọi công tác nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh trong bối cảnh áp lực cạnh tranh và các tác động khách quan từ thị trường. Hoạt động kinh doanh lõi không ngừng được củng cố, công tác triển khai bán chéo trong nội bộ tập đoàn diễn ra sâu rộng, quản lý chi phí hiệu quả song hành với các giải pháp tăng cường doanh thu đã giúp MBS chuyển mình và khẳng định vị thế là một trong những công ty chứng khoán hoạt động hiệu quả trên thị trường.



Lợi nhuận trước thuế đạt 336,1 tỷ đồng, tăng trưởng 16% so với năm 2019.



Củng cố thương hiệu MBS: Nỗ lực duy trì vị thế, MBS đứng TOP 10 thị phần lớn nhất Việt Nam trên cả thị trường cơ sở và phái sinh, đồng thời MBS tiếp tục nằm trong TOP 3 doanh thu IB.



Nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn, sẵn sàng cho các hoạt động chuyển đổi số.



Các chỉ tiêu an toàn tài chính liên tục đáp ứng theo quy định pháp luật.



Tình hình thanh khoản được đảm bảo tốt; Quản trị rủi ro an toàn, không để phát sinh nợ xấu.



Tổ chức và con người đoàn kết gắn bó; thực hiện tốt công tác Đảng, công tác chính trị

Báo cáo của Ban Kiểm soát

1. Hoạt động kinh doanh

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã khép lại năm 2020 đầy biến động do COVID-19. Bức tranh của thị trường chứng khoán năm 2020 được chia thành 2 gam màu sáng tối rõ rệt. Quý I/2020 (đặc biệt vào tháng 3/2020) là giai đoạn khó khăn nhất khi cú sốc COVID-19 khiến thị trường chứng khoán chao đảo và có thời điểm VN-Index về vùng giá thấp nhất trong 3 năm qua. Thêm vào đó, khối ngoại liên tục bán ròng đã khiến tình hình trở nên tiêu cực hơn. Tuy nhiên thị trường chứng khoán đã có bước hồi phục mạnh mẽ với nhịp tăng bền bỉ của thị trường từ Quý 2/2020 đến hết năm. Khép lại năm 2020, VN-Index đóng cửa ở mức 1.103 điểm với thanh khoản ở mức cao.

Với những điều kiện thuận lợi của thị trường trong 6 tháng cuối năm, MBS đã hoàn thành vượt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020, cụ thể như sau:

- Doanh thu đạt 1.121,6 tỷ đồng hoàn thành 156% so với kế hoạch năm và bằng 117% so với năm 2019.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 336,1 tỷ đồng hoàn thành 168% so với kế hoạch và tăng 116% so với năm trước.

Công ty hoàn thành vượt kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận, các chỉ tiêu quản trị chi phí được kiểm soát tốt.

Doanh thu đạt

1.121,6
tỷ đồng

hoàn thành 156% kế hoạch so với kế hoạch năm và bằng 117% so với năm 2019

Lợi nhuận trước thuế đạt

336,1
tỷ đồng

hoàn thành 168% kế hoạch so với kế hoạch năm và tăng 116% so với năm trước



2. Hoạt động quản trị và điều hành

Thông qua kết quả giám sát, Ban Kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ của công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ, cụ thể:

- Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ tuân thủ theo đúng các hạn mức/giới hạn kinh doanh như: Tỷ lệ đầu tư, hạn mức cho vay; tỷ lệ kiểm soát chi phí.
- Kịp thời phê duyệt các chính sách, phương án kinh doanh tăng hiệu quả hoạt động, kiểm soát rủi ro chặt chẽ, thúc đẩy các đơn vị hoàn thành kế hoạch trong điều kiện thị trường nhiều biến động.
- Điều chỉnh nhận diện thương hiệu mới theo định hướng phê duyệt của MB.
- Điều chỉnh mô hình tổ chức toàn công ty, sắp xếp lại nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả, hạn chế các cấp quản lý trung gian.
- Hội đồng quản trị đã kịp thời chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tìm kiếm và làm việc với các đối tác xây dựng chiến lược giai đoạn 2021-2025.

- Thực hiện đánh giá tổng thể về năng lực và hoạt động công nghệ thông tin của MBS. Đầu tư và triển khai nhiều dự án CNTT, thực hiện số hóa các hoạt động kinh doanh: môi giới, trái phiếu, tăng trải nghiệm và mở rộng đối tượng khách hàng sử dụng các dịch vụ của MBS.
- Rà soát, điều chỉnh các hệ thống văn bản trọng yếu phù hợp với quy định pháp luật và quy định tập đoàn như: Chính sách quản lý rủi ro; Chính sách quản trị tài chính, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế tổ chức của một số đơn vị phòng ban.

Đối với hoạt động Quản trị điều hành cần lưu ý: Hoạt động môi giới đã có nhiều cải thiện đóng góp lớn vào doanh thu công ty tuy nhiên vẫn chưa đạt mục tiêu thị phần; Hoạt động môi giới khách hàng tổ chức chưa đạt theo chiến lược; Hoạt động kinh doanh trái phiếu, đầu tư chưa hoàn thành kế hoạch năm.

3. Cơ chế phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát - Hội đồng quản trị – Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2020 cơ chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được thực hiện tốt, cụ thể:

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát trong hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát đảm bảo nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật, quy định nội bộ MBS, vì lợi ích và phát triển của MBS.
- Ban Kiểm soát phối hợp với Hội đồng quản trị chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ hoàn thành các chương trình kiểm toán. Định kỳ tháng/quý Ban Kiểm soát đều có báo cáo giám sát; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của công ty gửi Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
- Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị cho ý kiến đối với các tờ trình thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị, kịp thời đưa ra các ý kiến đóng góp độc lập, khách quan.
- Các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc ghi nhận, bổ sung và chỉnh sửa hoàn thiện kịp thời, đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh.

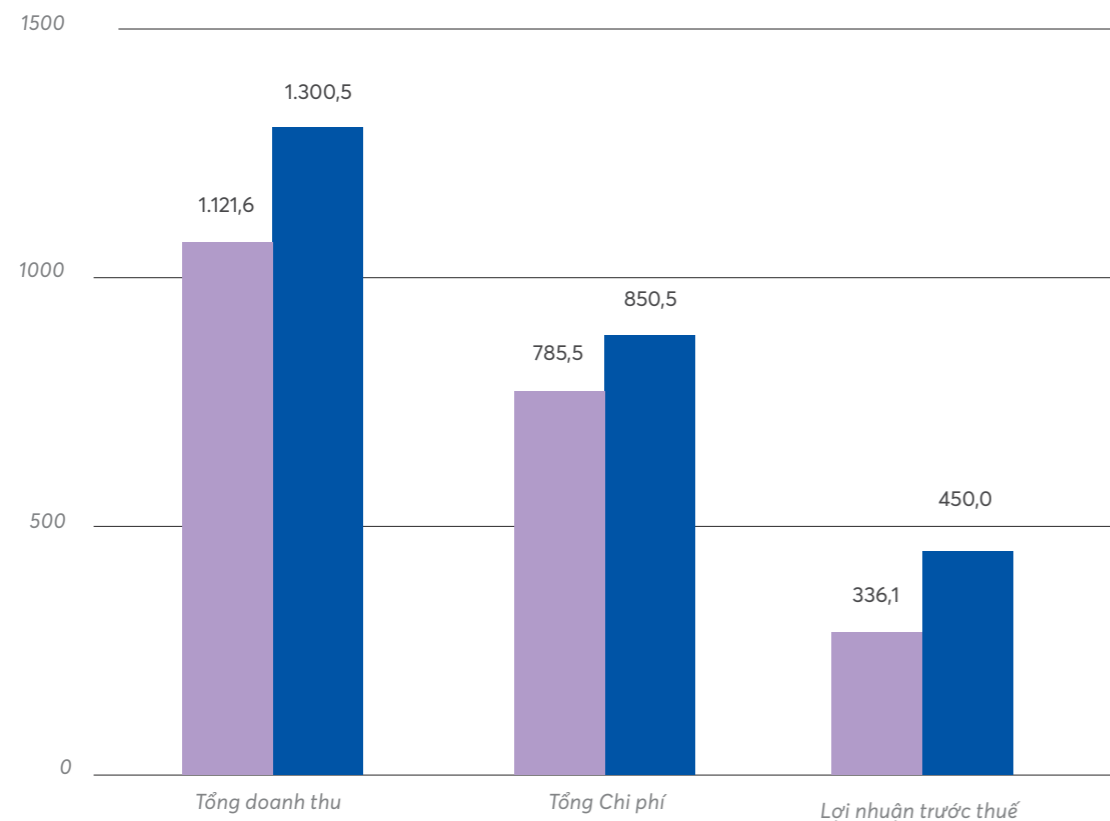
Định hướng chiến lược 2021

1. Phương châm hoạt động năm 2021

“Phát triển nhanh, đột phá, chuyển đổi số, hiệu quả”

2. Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021

Mục tiêu kinh doanh



Đơn vị: Tỷ đồng

TH 2020 KH 2021

3. Các giải pháp để thực hiện kế hoạch năm 2021

3.1. Đối với hoạt động Môi giới

- Thay đổi mô hình kinh doanh hoạt động môi giới: chuyển đổi số, khai thác tệp khách hàng trong hệ sinh thái Tập đoàn...
- Thúc đẩy hoạt động kinh doanh số, Private.
- Tối ưu quy trình, ứng dụng số hóa trong quản lý khách hàng hỗ trợ bán hàng.
- Tăng cường bán chéo nội bộ và trong tập đoàn, khai thác tối đa ưu thế thành viên tập đoàn.

3.2. Đối với Hoạt động Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

- Tiếp tục thúc đẩy bán chéo Tập đoàn. Định hướng hoạt động IB Tập đoàn.
- Phát triển nhóm tư vấn M&A, thúc đẩy tư vấn DCM, ECM nhằm tạo giá trị chuỗi cho hoạt động Môi giới, Tổ hợp đầu tư và phân phối Trái phiếu. Định hướng TOP 3 Công ty Chứng khoán có doanh thu IB cao nhất tại Việt Nam.

3.3. Giải pháp về vận hành

- Tối ưu hóa các quy trình, sản phẩm nhằm tiết kiệm và sử dụng chi phí hiệu quả.
- Sử dụng chi phí (chi phí nhân sự, chi phí hoạt động..) gắn liền với kết quả đạt được.
- Tối ưu hóa nhân sự đảm bảo tăng năng suất lao động và tiệm cận năng suất lao động bình quân ngành.

3.4. Giải pháp về công nghệ thông tin

- Đảm bảo ổn định hệ thống, không để phát sinh lỗi giao dịch.
- Đầu tư CNTT để sẵn sàng cho chiến lược kinh doanh mới.
- Ứng dụng số hóa vào hoạt động kinh doanh và quản trị.



Chương 04: Báo cáo phát triển bền vững

Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững	62
Các chỉ số phát triển bền vững năm 2020	63
Mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan	64
Cơ chế tiếp nhận ý kiến giữa các bên liên quan và đánh giá tổng quát kết quả hoạt động của MBS với các bên liên quan	66
Đánh giá các vấn đề trọng yếu	68
Định hướng chiến lược phát triển	74

Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững

1. Nội dung báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững 2020 cung cấp một bức tranh tổng quan về những hoạt động quan trọng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB và các đơn vị trực thuộc Công ty, liên quan đến các vấn đề trọng yếu mà các bên liên quan quan tâm về chiến lược phát triển bền vững của MBS. Chúng tôi sử dụng phương pháp tiếp cận xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của Công ty kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

2. Nguyên tắc xác định nội dung báo cáo

- Gắn kết các bên liên quan
- Bối cảnh phát triển bền vững
- Tính trọng yếu
- Tính đầy đủ

3. Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo

- Tính chính xác
- Tính cân đối
- Tính rõ ràng
- Khả năng có thể so sánh
- Tính đáng tin cậy
- Tính kịp thời

4. Phạm vi và ranh giới của báo cáo

- Báo cáo được lập tại Việt Nam trong lĩnh vực chứng khoán, đầu tư kinh doanh tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS).
- Giai đoạn báo cáo: từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2020.
- Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020. Báo cáo được công bố trực tuyến tại địa chỉ [website www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn).

5. Thông tin liên hệ

- Phát triển bền vững là chiến lược trọng yếu của Công ty tác động đến các bên liên quan. Mọi ý kiến đóng góp, thắc mắc liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, vui lòng gửi về địa chỉ:
- Phòng Marketing & Truyền thông (Marcom) MBS
- Email: truyenthong@mbs.com.vn
- Điện thoại: +84 24 7304 5688
- Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

Các chỉ số phát triển bền vững năm 2020

STT	Hạng mục	Nội dung	Số liệu	Ghi chú
1	Tăng trưởng kinh tế bền vững	Doanh thu thuần	1.221,6 tỷ đồng	
		Lợi nhuận sau thuế	268,7 tỷ đồng	
		Nộp ngân sách nhà nước	201 tỷ đồng	
		Cổ tức năm 2020	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ thực hiện: 10:1	
		Quan hệ nhà đầu tư	Hàng trăm lượt gặp gỡ	
2	Phát triển nguồn nhân lực	Hoàn thành số giờ đào tạo	Đào tạo nội bộ: 4.378 giờ Tham gia các khóa đào tạo bên ngoài: 12.618 giờ	
		Số lượng nhân sự được đào tạo tập trung	605 nhân sự	Bao gồm cả nội bộ và tham gia khóa đào tạo bên ngoài
		Số lượng khóa đào tạo đã triển khai	48 khóa đào tạo	Bao gồm: 17 khóa đào tạo nội bộ, 31 khóa đào tạo bên ngoài, trong đó: • 03 khóa đào tạo cấp cao • 06 khóa đào tạo cấp trung • 22 khóa đào tạo chuyên môn và kỹ năng cho CBNV
3	Chung tay vì cộng đồng	Công ty và CBNV đóng góp cho cộng đồng	875.671.000 đồng	Bao gồm: • Tài trợ cho các hoạt động hợp tác giáo dục với các trường Đại học: 162.771.000 đồng • Hoạt động từ thiện: 712.900.000 đồng
		Tạo việc làm	Hơn 2176 lao động	Bao gồm: • 605 cán bộ nhân viên • 21 Tập sự • 1550 Cộng tác viên
		Liên kết với các trường ĐH	7 trường ĐH lớn, uy tín	• ĐH Kinh tế Quốc dân (HN) • Học viện Tài chính (HN) • ĐH Hoa Sen (TP. HCM) • ĐH Ngân hàng (TP. HCM) • ĐH Kinh tế Luật (TP. HCM) • ĐH Quốc tế (TP. HCM) • ĐH Kinh tế HCM
		Tuyển dụng	141 nhân sự 48 Tập sự	Tuyển dụng được rất nhiều Tập sự cho các CN/SGD và các Đơn vị Hỗ trợ kinh doanh trên toàn hệ thống. Ngoài ra còn có rất nhiều các bạn Thực tập sinh thực tập tại Công ty

Mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan

01

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

Với phương châm "Giải pháp kinh doanh chuyên biệt", MBS luôn cam kết cung cấp những giải pháp phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Trong những năm qua, MBS đã không ngừng mở rộng tệp khách hàng, đặc biệt tận dụng bán chéo sản phẩm dịch vụ và tận dụng tệp khách hàng của Ngân hàng mẹ MB. Khách hàng của MBS không chỉ được cung cấp sản phẩm dịch vụ của MBS mà còn được cung cấp thêm nhiều giá trị gia tăng từ sản phẩm dịch vụ thuộc Tập đoàn MB. Những giá trị mà MBS mang lại cho khách hàng đã khẳng định vị thế của một trong những công ty chứng khoán hàng đầu thị trường, tạo niềm tin vững chắc cho khách hàng khi lựa chọn sản phẩm dịch vụ của MBS

02

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

MBS luôn đặt con người là trọng tâm trong mọi hoạt động. Với các chính sách nhân sự, chế độ đãi ngộ và phúc lợi tốt MBS đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, giàu nhiệt huyết gắn bó với nghề. Chính sự sáng tạo, mẫn cán, quyết liệt và đoàn kết, đội ngũ nhân sự MBS đã đồng hành cùng công ty vượt qua mọi giai đoạn khó khăn để tiếp tục vươn lên gặt hái những thành quả trong giai đoạn phát triển mới. Tại MBS, chính sách đào tạo và tự đào tạo luôn được chú trọng. Các chương trình đào tạo về quản trị, kiến thức chuyên môn và kỹ năng được tổ chức thường xuyên, giúp đội ngũ nhân sự phát huy tài năng và sự cống hiến. Qua đó, giá trị công ty cũng ngày càng được nâng cao.

03

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

MBS luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính, UBCKNN và của các Sở giao dịch chứng khoán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời cho cổ đông và nhà đầu tư đồng thời chủ động công bố thông tin quan trọng có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như quyết định của nhà đầu tư.

04

ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC

Trong quan hệ với các đối tác kinh doanh, MBS luôn tuân thủ nguyên tắc hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng. Là một trong những công ty chứng khoán thành lập đầu tiên của TTCK Việt Nam, MBS luôn phấn đấu nằm trong TOP các công ty chứng khoán hàng đầu, với uy tín và kinh nghiệm của mình, MBS đã tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với hàng trăm đối tác. Họ đã, đang và sẽ luôn sẵn sàng đồng hành cùng MBS trên con đường chinh phục những thử thách mới.

05

ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Một doanh nghiệp phát triển bền vững không thể tách rời các lợi ích chung của xã hội. Chính vì thế MBS đã xác định một trong những giá trị cốt lõi của mình là "xã hội và phát triển cộng đồng". Quỹ từ thiện "Trái tim MBS" được thành lập đã là cầu nối để tấm lòng của CBNV MBS đến được với những hoàn cảnh thiếu thốn, khó khăn, bất hạnh, chung tay mang lại những điều tốt đẹp, ý nghĩa cho cộng đồng và xã hội. Các hoạt động từ thiện của MBS được tổ chức thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cũng như hướng đến xây dựng thương hiệu nhân văn, thân thiện với cộng đồng.

06

ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN

MBS tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, quy chuẩn hiện hành của pháp luật Việt Nam trong mọi hoạt động cũng như đóng góp vào ngân sách Nhà nước đầy đủ. MBS đã xây dựng và tăng cường mối quan hệ tốt với các Bộ, Ban, Ngành nhưng không lợi dụng mối quan hệ này để đạt lợi ích bất chính.

07

ĐỐI VỚI BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG

MBS xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với báo chí trên nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và hợp pháp. Các thông điệp, thông tin cung cấp luôn đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, đầy đủ và khách quan, giúp cơ quan báo chí, truyền thông có được những thông tin chính xác về tình hình hoạt động của công ty. Ngoài ra, MBS cũng chú trọng xây dựng các cơ chế xử lý khủng hoảng truyền thông, bình tĩnh đính chính các thông tin sai lệch cũng như đưa ra những phát ngôn khéo léo và chuẩn mực trước cơ quan báo đài.

Cơ chế tiếp nhận ý kiến giữa các bên liên quan và đánh giá tổng quát kết quả hoạt động của MBS với các bên liên quan

MBS đã xây dựng cơ chế hiệu quả nhằm tăng cường quá trình trao đổi thông tin. Các kênh tương tác được thiết lập và củng cố đảm bảo tính chủ động, đầy đủ, sâu sát, kịp thời trong việc tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan, làm cơ sở cho việc cải tiến, phát triển hoạt động kinh doanh của công ty theo hướng bền vững.

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
CỔ ĐỒNG, NHÀ ĐẦU TƯ	<ul style="list-style-type: none"> • ĐHCĐ thường niên. • Website MBS. • Gặp gỡ trực tiếp. • Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> • Kết quả kinh doanh tốt. • Thông tin minh bạch, rõ ràng, kịp thời và chính xác. • Cổ tức. • Năng lực quản trị Công ty tăng. • Giá trị Công ty tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> • Đầu tư có chiều sâu vào hoạt động truyền thông, marketing • Thực hiện chi trả cổ tức • Hoàn thiện hệ thống Quản trị Công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tổng doanh thu năm 2020 đạt 1.121,6 tỷ đồng • Lợi nhuận sau thuế đạt 268,7 tỷ đồng • Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ thực hiện: 10:1
KHÁCH HÀNG	<ul style="list-style-type: none"> • Đội ngũ nhân viên dịch vụ ngân hàng đầu tư, môi giới, tư vấn. • Tiếp xúc trực tiếp tại sàn giao dịch, tại trụ sở của đối tác... • Hội nghị tri ân khách hàng. • Tổng đài Contact24. • Website, email, facebook. • Hội thảo chuyên ngành. • Chương trình khảo sát khách hàng/ thị trường. 	<ul style="list-style-type: none"> • Chất lượng dịch vụ tốt, giá/phí cạnh tranh. • Địa điểm giao dịch thuận tiện. • Giao dịch thuận tiện, an toàn, bảo mật. • Nhân viên thân thiện, nhiệt tình, tận tâm. 	<ul style="list-style-type: none"> • Nâng cao trình độ đội ngũ broker và nghiệp vụ quầy giao dịch. • Nâng cao chất lượng các hội thảo chuyên môn, các báo cáo phân tích, khuyến nghị đầu tư. • Tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo. • Đầu tư hạ tầng cơ sở và thường xuyên nâng cấp phần mềm giao dịch. • Tổ chức tri ân khách hàng. 	<ul style="list-style-type: none"> • Nâng cấp liên tục Bảng giá thông minh Plus24 với nhiều tính năng mới, hỗ trợ đầu tư nhanh chóng, hiệu quả. • Ra mắt App MBS hoàn toàn mới, công cụ giao dịch chứng khoán hiện đại và thông minh trên thiết bị di động. • Đội ngũ broker được đào tạo cả về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng mềm. • Thiết kế các gói dịch vụ đa dạng, linh hoạt, phù hợp với khẩu vị đầu tư của từng khách hàng. • Thực hiện một số cuộc khảo sát khách hàng với kết quả tốt.
CƠ QUAN QUẢN LÝ	<ul style="list-style-type: none"> • Tiếp xúc trực tiếp. • Thông qua các hội thảo, hội nghị... do Cơ quan quản lý tổ chức. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ các quy định của Nhà nước và pháp luật liên quan đến hoạt động của ngành. • Tích cực tham gia các hoạt động và đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ quy định của Nhà nước và pháp luật. • Đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước. • Tham gia ý kiến vào việc xây dựng các văn bản về chính sách, quy chế... của cơ quan quản lý. • Tích cực tham gia hoạt động của 2 Sở giao dịch chứng khoán. 	<ul style="list-style-type: none"> • Luôn tuân thủ quy định của Nhà nước và pháp luật. • Năm 2020 nộp NSNN 201 tỷ đồng. • Là thành viên tiêu biểu của 2 sở giao dịch chứng khoán HNX và HSX năm 2020.

CÁC HIỆP HỘI	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua các hội thảo, hội nghị... do Hiệp hội tổ chức. 	<ul style="list-style-type: none"> • Là thành viên tích cực của Hiệp hội. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tham gia tích cực vào hoạt động của Hiệp hội. • Thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính với các Hiệp hội. 	<ul style="list-style-type: none"> • Đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển hoạt động của Hiệp hội. • Tham gia đầy đủ các hội thảo, hội nghị do Hiệp hội tổ chức và/hoặc chỉ đạo tham dự. • Được Hiệp hội Kinh doanh chứng khoán Việt Nam ghi nhận là một trong những thành viên tích cực nhất trong hoạt động của Hiệp hội.
BÁO CHÍ	<ul style="list-style-type: none"> • Các hội thảo do các cơ quan báo chí tổ chức. • Tổ chức gặp mặt và giao lưu gắn kết. • Duy trì trao đổi thông tin qua email. 	<ul style="list-style-type: none"> • Có cơ chế tiếp cận thông tin về hoạt động của Công ty nhanh chóng. • Xây dựng mối quan hệ tốt với các cơ quan truyền thông, báo chí. 	<ul style="list-style-type: none"> • Chủ động cập nhật thông tin cho cơ quan báo chí. • Cung cấp thông tin chuyên ngành cho cơ quan báo chí. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tham gia trả lời phỏng vấn trên báo giấy, báo online và xuất hiện trên truyền hình VTV. • Xây dựng, duy trì và phát triển mối quan hệ tốt với cơ quan truyền thông, báo chí.
NGƯỜI LAO ĐỘNG	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua Phòng Nhân sự, Công đoàn. • Thông qua quản lý trực tiếp. • Thông qua các chương trình đạo tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài. • Thông qua lễ sơ kết, tổng kết thường niên. • Thông qua hoạt động nghỉ mát, kỷ niệm sinh nhật công ty. • Thông qua các sự kiện nội bộ: 8/3, 1/6, trung thu, 20/10. • Thông qua các chương trình Về nguồn, các chương trình xã hội từ thiện. 	<ul style="list-style-type: none"> • Công việc ổn định. • Môi trường làm việc thân thiện. • Thu nhập ổn định và có sự tăng trưởng. • Chính sách phúc lợi đầy đủ và được đảm bảo. • Có chính sách đào tạo và cơ hội phát triển, thăng tiến. • Được quan tâm tới đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV. • Được ghi nhận. 	<ul style="list-style-type: none"> • Tạo việc làm ổn định, mở rộng cơ hội việc làm thông qua mở rộng sản phẩm dịch vụ kinh doanh và tuyển dụng nhân sự mới. • Chi trả thu nhập ổn định cho người lao động. • Định kỳ rà soát chính sách lương thưởng phù hợp với thị trường. • Ban hành và thực hiện các chế độ phúc lợi cho người lao động: khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm sức khỏe... • Tăng ngân sách dành cho hoạt động đào tạo. • Xây dựng các chương trình thi đua kinh doanh, thi đua chuyên môn nghiệp vụ. • Tạo điều kiện để các tổ chức quần chúng (công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ) phát huy vai trò xây dựng môi trường văn hóa thân thiện. 	<ul style="list-style-type: none"> • Năm 2020, số lượng CBNV mới được tuyển dụng là 141 người. • Thực hiện trả lương, thưởng hiệu quả kinh doanh đúng hạn, mức thu nhập bình quân (không bao gồm thưởng) của người lao động năm 2020 tăng 16% so với năm 2019. • Đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc: BHXH, BHYT, BHTN với tổng số công ty chi trả là 9.770.242.000 đồng, bằng 126% so với năm 2019. • Mua Bảo hiểm sức khỏe MIC cho CBNV với tổng giá trị năm 2020 là 1.698,3 tỷ đồng, bằng 112,7% so với năm 2019. • Trong năm 2020, 71 đơn vị và 309 cá nhân đã được vinh danh khen thưởng. • Phát động chương trình thi đua kinh doanh cho đơn vị hỗ trợ "20 năm chung vai sát cánh" đã có 28 đơn vị, 23 cá nhân được vinh danh khen thưởng
CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI	<ul style="list-style-type: none"> • Tiếp xúc trực tiếp với người dân và chính quyền địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> • Góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân khó khăn, vùng sâu, vùng xa. • Tạo việc làm cho sinh viên và thu hút các tài năng trẻ. • Đóng góp nâng cao đời sống cho cộng đồng và xã hội. • Tuân thủ quy định của chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ. 	<ul style="list-style-type: none"> • Phối hợp tổ chức và tổ chức các chương trình từ thiện lớn nhỏ như: "Ủng hộ tuyến đầu chống dịch" tại Bệnh viện Bệnh nhiệt đới TW cơ sở 2 và Bệnh viện dã chiến Củ Chi, phối hợp với Công đoàn phát động chương trình ủng hộ đồng bào miền trung bị ảnh hưởng bởi bão lụt và tổ chức trao quà trực tiếp cho người dân 2 xã Hướng Lập và Hướng Việt, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, phối hợp tổ chức chương trình Trung thu cho trẻ em và người dân nghèo tại huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. 	

Đánh giá các vấn đề trọng yếu

1. Hiệu quả hoạt động kinh tế

Năm 2020, nền kinh tế thế giới bị ảnh hưởng mạnh bởi dịch Covid19. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam đã phục hồi bền vững và tăng trưởng ngoạn mục, được đánh giá là 1 trong 10 thị trường chứng khoán có sức chống chịu với đại dịch và phục hồi tốt nhất thế giới. Trong bối cảnh đó, MBS đã đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng:

- Tổng doanh thu năm 2020 đạt 1.121,6 tỷ đồng, bằng 117% so với năm 2019, hoàn thành 155% kế hoạch cả năm 2020.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2020 tăng trưởng mạnh, đạt 336,1 tỷ đồng, bằng 168% kế hoạch cả năm, tương đương 116% so với năm 2019.
- Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ được đẩy mạnh và phát triển tốt nhờ triển khai áp dụng chuyển đổi số trong hoạt động môi giới. Tính đến cuối năm 2020, MBS chăm sóc và tư vấn trên 140.000 tài khoản, tăng 17% so với đầu năm.
- TOP 10 thị phần lớn nhất Việt Nam trên cả thị trường cơ sở và phái sinh, tiếp tục giữ vững TOP 3 doanh thu IB.

Số lượng tài khoản chăm sóc

140.000

Tăng

17%

so với đầu năm 2020

Lợi nhuận trước thuế

336,1

tỷ đồng

cao nhất trong 10 năm trở lại đây



2. Việc làm

Nguồn nhân lực tại MBS

Tổng nhân sự tại MBS thời điểm 31/12/2020 là 605 người. Lực lượng lao động tại MBS đa phần là lao động trẻ, có trình độ chuyên môn cao, phù hợp với ngành tài chính chứng khoán. Cơ cấu lao động theo giới tính cân bằng, theo thâm niên hợp lý với đặc thù ngành nghề.

Tổng số cán bộ được giao nhiệm vụ/bổ nhiệm tại MBS năm 2020 là 07 người, tổng số cán bộ quản lý 100 người (tương đương 16,53%) trên tổng số cán bộ nhân viên toàn hệ thống.

Cơ cấu lao động theo các tiêu chí	Số lượng CBNV	Tỷ lệ trên tổng số CBNV Công ty
Khu vực		
Miền bắc	407	67%
Miền nam	198	33%
Giới tính		
Nam	306	51%
Nữ	299	49%
Nhóm tuổi		
Dưới 25 tuổi	86	14,21%
Từ 25 tuổi - dưới 30 tuổi	207	34,21%
Từ 30 tuổi - dưới 40 tuổi	244	40,33%
Từ 40 tuổi trở lên	68	11,24%
Trình độ đào tạo		
Trên đại học	60	9,92%
Đại học	528	87,27%
Cao đẳng	11	1,82%
Trung cấp + khác	6	0,99%
Cấp quản lý		
Cấp cao	27	4,46%
Cấp trung	107	17,69%
Nhân viên	471	77,85%

Thu hút nhân sự giỏi và khơi gợi đam mê cống hiến

Năm 2020, MBS đẩy mạnh phát triển kinh doanh số, công nghệ hóa quy trình làm việc. Việc tuyển dụng nhân sự được coi trọng, nhằm tìm được nhân sự giỏi để phát triển kinh doanh toàn diện trên các lĩnh vực: dịch vụ chứng khoán, dịch vụ ngân hàng đầu tư, hoạt động kinh doanh trái phiếu, hoạt động nguồn vốn, hoạt động dịch vụ chứng khoán khách hàng tổ chức và công nghệ thông tin.

Bằng việc điều chỉnh quy chế lương, rà soát các chính sách đãi ngộ, đa dạng hóa các kênh tuyển dụng cũng như thay đổi phương thức tiếp cận nguồn nhân lực, MBS đã thành công trong việc tuyển dụng được các vị trí chủ chốt.

Bên cạnh đó, những chương trình hợp tác thường xuyên với các trường đại học lớn tại Hà Nội và TP. HCM cũng mở ra nhiều cơ hội tìm kiếm ứng viên tiềm năng cho MBS.

Trong năm 2020 MBS đã tuyển dụng được 141 nhân sự, trong đó có 30 nhân sự thuộc đơn vị hỗ trợ, 111 nhân sự thuộc đơn vị kinh doanh. Khu vực phía Bắc tuyển dụng được 80 nhân sự, khu vực phía Nam tuyển dụng được 61 nhân sự.



An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Tại MBS, chế độ bảo hiểm cho người lao động được thực hiện đầy đủ, các chính sách phúc lợi thường xuyên được rà soát để đảm bảo người lao động được quan tâm một cách tối đa. Đây cũng là một yếu tố cạnh tranh trên thị trường lao động.

Chế độ cho lao động nữ, chế độ thai sản, ốm đau:

Lao động nữ được nghỉ thai sản 6 tháng theo Luật lao động và khi quay trở lại làm việc được nghỉ 1 tiếng/ngày trong thời gian con dưới 12 tháng tuổi. Lao động nam được nghỉ thai sản theo chế độ từ 5 - 14 ngày vợ sinh con. Người lao động tại MBS có thể yên tâm nghỉ ngơi, chăm sóc con cái, phục hồi sức khỏe sau sinh... Các chế độ khác như nghỉ ốm, nghỉ dưỡng sức... được MBS tạo điều kiện nhằm đảm bảo tối đa quyền lợi cho người lao động.

Các chính sách bảo hiểm:

Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Luật lao động, MBS đã triển khai mua bảo hiểm sức khỏe MIC cho CBNV. Ngân sách dành cho bảo hiểm sức khỏe MIC năm 2020 là 1.698.301.227 đồng, tăng 12,7% so với năm 2019.

MBS cũng triển khai khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBNV với danh mục khám thiết thực, bổ sung các xét nghiệm cần thiết nhằm phát hiện sớm các bệnh nguy hiểm như một số bệnh ung thư phổ biến (ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư tuyến giáp, biểu cổ, tiền liệt tuyến...) Năm 2020, ngân sách dành cho khám sức khỏe định kỳ tại MBS là 1.322.000.000 đồng.

Hàng năm, MBS cũng trích ngân sách tặng quà, hỗ trợ các CBNV bị bệnh hiểm nghèo, sức khỏe yếu, sẽ chia gánh nặng và khích lệ tinh thần CBNV yên tâm công tác.

Bên cạnh đó, công ty luôn khuyến khích người lao động rèn luyện sức khỏe, tham gia các phong trào thể dục thể thao như câu lạc bộ bóng đá MBS, tổ chức các lớp khiêu vũ, tham gia các giải thể thao do Ngân hàng MB và các đơn vị/ đối tác bên ngoài tổ chức.

Giáo dục và đào tạo

Con người được coi là yếu tố trọng tâm tại MBS. Do vậy hoạt động đào tạo và tự đào tạo luôn được coi trọng. Các chương trình và nội dung đào tạo không chỉ giới hạn đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, các kỹ năng mềm mà còn chú trọng đào tạo văn hóa, đạo đức nghề nghiệp và về giá trị cốt lõi của công ty.

Trong năm 2020, công ty đã tổ chức 48 khóa đào tạo với 605 CBNV tham dự, trong đó có 17 khóa đào tạo nội bộ và 31 khóa đào tạo bên ngoài với tổng chi phí đào tạo là 913,663,480 đồng.

Đối tượng	Đào tạo Nội bộ			Đào tạo bên ngoài		
	Tổng số giờ	Số lượt đào tạo	Trung bình số giờ đào tạo/ số lượt đào tạo	Tổng số giờ	Số lượt đào tạo	Trung bình số giờ đào tạo/ số lượt đào tạo
CBQL	1.307	620	2,11	1.087	68	15,99
Nhân viên	4.378	2.138	2,05	12.618	401	31,47

Bên cạnh việc tổ chức và tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo chất lượng ở bên ngoài, MBS còn tổ chức liên tục các khóa đào tạo nội bộ, nâng cao năng lực giảng viên nội bộ đồng thời đẩy mạnh văn hóa học tập, chia sẻ kiến thức trong công ty. Thông qua các chương trình đào tạo, nhiều cán bộ đã trưởng thành và phát triển lên các vị trí quản lý chủ chốt tại MBS.

Trong năm 2020, MBS cũng đã hoàn thành xây dựng và triển khai thành công hệ thống đào tạo trực tuyến MBS Everlearn để giúp CBNV có thể tiếp cận kiến thức một cách nhanh chóng và thuận tiện.

Công tác tài trợ và đào tạo chuyên môn cho các cuộc thi chuyên ngành tại các trường đại học cũng được triển khai mạnh mẽ. Trong năm 2020, MBS đã hợp tác với 7 trường Đại học để đẩy mạnh hoạt động này.

Việc gia tăng các kiến thức, tri thức cho cán bộ nhân viên trong công ty thông qua chương trình “Tủ sách MBS” – cung cấp nhiều đầu sách hay và có giá trị về kinh doanh, kiến thức tài chính cũng như mọi mặt đời sống tinh thần đã và đang được các cán bộ nhân viên hưởng ứng nhiệt tình. Chương trình đã xây dựng một văn hóa đọc và chia sẻ kiến thức giữa các cá nhân, đơn vị nhằm gia tăng sự kết nối trong Công ty cũng như gia tăng tri thức cho cán bộ nhân viên. Trong năm 2020, MBS cũng đã tổ chức thành công chương trình từ thiện “Chung tay góp sách - Trồng rừng yêu thương”, góp được hơn 800 quyển sách tặng cho 8 tủ sách trí tuệ tại Nghệ An, Hà Tĩnh.

Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng

Không phân biệt đối xử:

Tại MBS, con người được đối xử công bằng và bình đẳng, không có sự phân biệt về giới tính, dân tộc, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, tình trạng sức khỏe. MBS cũng luôn tuân thủ nguyên tắc bình đẳng nam nữ trong tuyển dụng, giao việc, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, nâng lương, quy hoạch, bổ nhiệm... Lao động nữ tại MBS chiếm 49% tổng số lao động và 47% tổng số CBQL. Lao động nữ tại MBS luôn được quan tâm, tạo điều kiện để phát triển nghề nghiệp, ổn định cuộc sống. MBS luôn coi trọng bình đẳng giới trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực cũng như các kế hoạch tuyển dụng nhân sự hàng năm.

Công bằng trong đánh giá, khen thưởng và ghi nhận thành tích:

Đây là một trong những yếu tố quan trọng để tạo động lực cho người lao động phát huy năng lực và gắn bó lâu dài với Công ty. Chính vì thế nội dung này luôn được Ban lãnh đạo công ty chú trọng, thể hiện qua việc:

- Giao mục tiêu công việc/kế hoạch kinh doanh từ đầu năm một cách rõ ràng theo tiêu chí SMART tới từng đơn vị, phòng ban và cá nhân người lao động. Mục tiêu được giao căn cứ trên cơ sở mục tiêu chung của công ty.
- Định kỳ 6 tháng và 1 năm, Công ty đánh giá kết quả thực hiện công việc dựa trên kết quả kinh doanh/ kết quả làm việc của người lao động. Căn cứ đánh giá được dựa trên mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh (doanh thu, doanh số, số tài khoản mở mới, số hợp đồng ký kết...) và chỉ tiêu hoàn thành công việc tỷ lệ hoàn thành công việc và chất lượng công việc thực hiện.
- Trên cơ sở kết quả đánh giá, Công ty sẽ trả lương, thưởng hiệu quả kinh doanh cho người lao động. Thông qua kết quả này, Công ty cũng đánh giá được cần xây dựng chương trình đào tạo nào cho người lao động để phát huy thế mạnh hoặc bù đắp thiếu hụt. Trong năm 2020, có 71 đơn vị và 309 cá nhân đã được vinh danh khen thưởng.

Cộng đồng địa phương

Một trong những giá trị cốt lõi của MBS là “Trách nhiệm và phát triển cộng đồng” do vậy hoạt động từ thiện xã hội luôn được MBS quan tâm và thực hiện thường xuyên. Hàng năm, quỹ từ thiện “Trái tim MBS” đã tổ chức các chương trình từ thiện để chia sẻ khó khăn và góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân khó khăn ở vùng sâu, vùng xa. Trong nhiều năm qua, Quỹ Trái tim MBS đã đặt chân tới nhiều nơi, mang tình cảm và sự chia sẻ tới người dân ở các tỉnh vùng núi phía bắc, miền trung và cả những tỉnh khó khăn phía nam như Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Quảng Bình, Bình Phước, Phú Yên...

Trong năm 2020 nhiều khó khăn với dịch Covid diễn biến phức tạp, MBS đã tổ chức và phối hợp tổ chức các chương trình xã hội, từ thiện, bao gồm:

- Chương trình “Ủng hộ tuyến đầu chống dịch” tại Bệnh viện Bệnh nhiệt đới TW cơ sở 2 và Bệnh viện dã chiến Củ Chi.
- Ủng hộ đồng bào miền Trung bị ảnh hưởng bởi bão lụt tại 2 xã Hướng Lập và Hướng Việt, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.
- Tổ chức chương trình Trung thu cho trẻ em và người dân nghèo tại huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.
- Các chương trình về nguồn tới các địa chỉ đỏ như các nghĩa trang liệt sỹ quốc gia (Trường Sơn, Đường 9, Thành cổ, Ngã ba Đồng Lộc) cũng được tổ chức liên tục hàng năm nhằm giáo dục CBNV về tinh thần uống nước nhớ nguồn, biết ơn công lao và sự hy sinh của các thế hệ ông cha đi trước. Hoạt động tri ân, tặng quà cho các thương binh liệt sỹ là người thân của CBNV Công ty cũng là một trong những hoạt động ý nghĩa được tổ chức thường niên tại MBS. Ngoài ra, MBS còn quan tâm tới đời sống của CBNV, hàng năm Công đoàn công ty đều thăm hỏi và có phần quà gửi tặng những CBNV không may bị mắc bệnh hiểm nghèo, gặp hoàn cảnh khó khăn...

Các hoạt động xã hội từ thiện đã trở thành một trong những hoạt động không thể thiếu, được CBNV hưởng ứng nhiệt tình, góp phần xây dựng văn hóa nội bộ tại MBS.

Định hướng chiến lược phát triển



Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển, MBS luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của MBS. Trong đó, mục tiêu kinh tế được xem là mục tiêu quan trọng tiên quyết hàng đầu vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần và đủ để thực hiện tiếp nối các mục tiêu xã hội, môi trường.

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, MBS thường xuyên rà soát lại các quy trình hoạt động liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc chủ động trao đổi với các bên liên quan. Quá trình đối thoại tích cực giữa MBS với các bên liên quan nhằm đảm bảo thực hiện các giải pháp hiệu quả và phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển bền vững của Công ty.

6.1. Duy trì và ổn định hệ thống

2020 là một năm xảy ra rất nhiều biến cố đối với mọi doanh nghiệp, trong đó có MBS. Trước tình hình dịch bệnh phức tạp khó lường kéo theo những thay đổi về mọi mặt trong đời sống kinh tế xã hội, MBS đã nhanh chóng lựa chọn hướng đi phù hợp với hoàn cảnh mới, đó là: kiện toàn bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và phát triển các sản phẩm công nghệ, đáp ứng nhu cầu và xu thế chung của toàn xã hội. Công ty vẫn vận hành tốt ngay cả trong giai đoạn giãn cách xã hội, nguồn nhân lực được tối ưu hóa, chế độ và phúc lợi dành cho CBNV vẫn được đảm bảo, đồng thời mảng kinh doanh số đạt được những thành quả bước đầu tích cực. Duy trì, củng cố và ổn định hệ thống vẫn luôn là một trong những tiêu chí hàng đầu của MBS để đảm bảo nền tảng vững chắc cho mọi hoạt động của công ty.

6.2. Quản trị rủi ro

MBS là công ty kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và dịch vụ đầu tư tài chính. Mục tiêu Quản trị rủi ro của MBS là kiểm soát được quy mô và mức độ tổn thất phát sinh từ hoạt động đầu tư kinh doanh, tư vấn, môi giới... bảo đảm với mức chi phí hợp lý và sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động này, hướng đến việc duy trì và phát triển doanh nghiệp ổn định gắn với hoạt động bảo vệ môi trường và đóng góp xây dựng cộng đồng, xã hội. Một trong những động lực chính làm gia tăng nhu cầu đối với việc áp dụng quản trị rủi ro phát triển bền vững là yêu cầu tuân thủ ngày càng nghiêm ngặt các quy định của pháp luật trong nước và quốc tế trong quá trình quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Phòng Quản trị rủi ro MBS đã và đang tập trung thiết lập hệ thống Quản trị rủi ro toàn diện nhằm nhận diện, phân loại, đánh giá và xây dựng kế hoạch ứng phó hiệu quả với các rủi ro nhằm đảm bảo Công ty có thể hoàn thành tốt các mục tiêu và kế hoạch đã đặt ra, nhất là với thị trường biến động liên tục. Bên cạnh việc đào tạo đội ngũ và hoàn thiện quy trình Quản trị rủi ro, MBS còn thực hiện đào tạo về nhận diện, phòng tránh và xử lý rủi ro cho đội ngũ kinh doanh để hạn chế tối đa rủi ro phát sinh.

6.3. Con người

Đặt con người là trọng tâm, MBS thường xuyên rà soát các chính sách tuyển dụng, lương thưởng cùng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi tốt để thu hút và giữ chân nhân tài. Các hoạt động đào tạo cũng được chú trọng về chiều sâu, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng cần thiết cho công việc. Trên cơ sở đó, MBS đầu tư đào tạo đội ngũ nhân sự kế cận từ nguồn nội bộ, tạo cơ hội phấn đấu cho người lao động phát huy thế mạnh, tận tâm cống hiến và gắn bó với công ty.

Ngoài ra, tại MBS, văn hóa nội bộ cũng được chú trọng phát triển nhằm tạo tinh thần và không khí làm việc vui vẻ, xây dựng một môi trường năng động, trẻ trung và gắn kết.

6.4. Sản phẩm và Công nghệ

Ngoài tiếp tục duy trì và nâng cấp các phần mềm giao dịch chứng khoán cơ sở và phái sinh, MBS không ngừng cải tiến và nghiên cứu các sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu giao dịch ngày càng đa dạng

của khách hàng và nhà đầu tư như: Bảng giá thông minh Plus24 trong năm 2020 liên tục được cập nhật và ra mắt nhiều tính năng mới ưu việt và vượt trội; thông qua App MBBank, khách hàng có thể mở tài khoản chứng khoán chỉ trong 3 phút mà không cần ra quầy nhờ ứng dụng eKYC hiện đại. Ngoài ra, cuối năm 2020 cũng là thời điểm App MBS hoàn toàn mới được ra mắt, là công cụ giao dịch chứng khoán trên thiết bị di động thông minh hiện đại hàng đầu tại thị trường Việt Nam. Ngoài các sản phẩm tài chính do MBS cung cấp, khách hàng còn được tiếp cận và gia tăng tiện ích với hàng loạt các sản phẩm tài chính khác như: ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản... của Tập đoàn MB.

6.5. Quan hệ Nhà đầu tư

Các đơn vị kinh doanh nòng cốt như Dịch vụ chứng khoán dành cho Khách hàng tổ chức, Khách hàng cá nhân; Dịch vụ Ngân hàng đầu tư; Bộ phận Kinh doanh trái phiếu; Bộ phận Quản lý Cổ đông tiếp tục đóng vai trò là chiếc cầu nối thông tin quan trọng nhằm kết nối Công ty với nhà đầu tư và cổ đông. Năm 2020, MBS thực hiện hàng trăm lượt trao đổi với các nhà đầu tư trong nước, chủ động tiếp xúc với nhà đầu tư và các công ty chứng khoán nước ngoài để giới thiệu cơ hội đầu tư tại thị trường chứng khoán Việt Nam, đặc biệt là tìm kiếm cơ hội hợp tác giữa hai bên. Ngoài ra, Công ty tiếp tục tiếp xúc và thảo luận với các bên liên quan thông qua các cuộc họp nhằm thực hiện tốt minh bạch hóa thông tin thông qua việc cập nhật các tin tức, báo cáo, thông tin trọng yếu có ảnh hưởng đến lợi ích các bên liên quan.

6.7. Tăng trưởng kinh tế bền vững

2020 là năm đánh dấu những con số nổi bật về kết quả hoạt động kinh doanh của MBS trong vòng 10 năm trở lại đây. Tuy là một năm đầy khó khăn thử thách do rất nhiều yếu tố bên ngoài tác động nhưng con người MBS vẫn luôn kiên định, vững vàng vượt qua mọi khó khăn, đồng thời không ngừng sáng tạo và nhanh chóng tìm ra những hướng đi mới để thích nghi với mọi hoàn cảnh. 2020 cũng là tiền đề mở ra một tương lai hứa hẹn nhiều bứt phá trong 5 năm tiếp theo (2021-2025) khi MBS đã tìm được đối tác tư vấn xây dựng chiến lược, kết hợp cùng nền tảng nội lực sẵn có để tạo đà cho những bước phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.



Chapter 05: Báo cáo tài chính

Thông tin chung	78
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	80
Báo cáo Kiểm toán độc lập	81
Báo cáo tình hình tài chính	82
Báo cáo kết quả hoạt động	90
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	92
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	96
Thuyết minh báo cáo tài chính	98

Thông tin chung

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 116/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu vào ngày 9 tháng 12 năm 2013 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán mới nhất số 12/GPĐC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 6 năm 2014.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.643.310.840.000 đồng Việt Nam.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 7 và 8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một (1) trụ sở chính và bảy (7) chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng.

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán, cho vay và cung cấp dịch vụ;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán; và
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Lê Quốc Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Vũ Thành Trung	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Hải Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014
Bà Trần Thị Kim Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Bà Phạm Thị Minh Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Nguyễn Kim Chung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Bà Vũ Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016

Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Trần Hải Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2013
Bà Phùng Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 7 năm 2013
Ông Lê Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Việt Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 1 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 18 tháng 1 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Học	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2017

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Hải Hà, chức danh Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Trách nhiệm của ban Tổng Giám đốc công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

Công bố của ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ông Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 2 tháng 2 năm 2021

Báo cáo Kiểm toán độc lập

Số tham chiếu: 61066227/22026958

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty"), được lập ngày 2 tháng 2 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 72, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2071-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam, Ngày 1 tháng 2 năm 2021

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2018-004-1

Báo cáo tình hình tài chính

B01-CTCK
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.716.096.907.903	4.521.750.917.521
110	I. Tài sản tài chính		6.682.215.673.225	4.499.734.302.770
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	96.948.819.458	414.572.303.541
111.1	1.1. Tiền		49.648.819.458	237.272.303.541
111.2	1.2. Các khoản tương đương tiền		47.300.000.000	177.300.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	1.468.603.179.653	753.433.267.048
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.2	739.565.039.025	532.825.039.025
114	4. Các khoản cho vay	7.3	4.123.339.761.796	2.689.398.963.126
115	5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.4	113.365.529.369	126.884.314.369
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.5	(59.055.729.445)	(67.925.729.445)
117	7. Các khoản phải thu	8	157.860.516.852	22.503.477.610
117.1	7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính		120.229.160.100	
117.2	7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		37.631.356.752	22.503.477.610
	7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		5.813.239.017	4.962.601.090
117.4	7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		31.818.117.735	17.540.876.520
118	8. Trả trước cho người bán		15.860.420.816	3.021.593.084
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	23.268.232.110	169.623.669.848
122	10. Các khoản phải thu khác	10	5.959.803.591	95.254.369.909
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	11	(3.499.900.000)	(239.856.965.345)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		33.881.234.678	22.016.614.751
131	1. Tạm ứng		983.822.696	2.087.131.325
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		436.515.736	805.843.998
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	4.479.398.323	3.848.721.743
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13	15.223.478.223	15.236.736.523
136	5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	22	-	10.593.662
137	6. Tài sản ngắn hạn khác		12.758.019.700	27.587.500

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		299.499.242.896	228.505.546.715
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		150.000.000.000	76.750.000.000
212	1. Các khoản đầu tư		150.000.000.000	76.750.000.000
212.1	2.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.2	150.000.000.000	76.750.000.000
220	II. Tài sản cố định		53.153.319.005	50.225.072.596
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	35.608.810.803	33.535.093.918
222	1.1. Nguyên giá		104.530.974.735	94.889.564.795
223a	1.2. Giá trị khấu hao lũy kế		(68.922.163.932)	(61.354.470.877)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	17.544.508.202	16.689.978.678
228	2.1. Nguyên giá		32.872.301.271	25.895.687.373
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(15.327.793.069)	(9.205.708.695)
250	III. Tài sản dài hạn khác		96.345.923.891	101.530.474.119
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		2.573.511.568	2.570.398.268
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	16	67.372.088.116	73.838.675.689
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	38.2	854.098.883	2.095.359.170
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	17	15.456.433.957	12.956.433.957
255	5. Tài sản dài hạn khác	18	10.089.791.367	10.069.607.035
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.015.596.150.799	4.750.256.464.236

Báo cáo tình hình tài chính (Tiếp theo)

B01-CTCK
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
300	C.NỢ PHẢI TRẢ		4.955.227.678.095	3.080.420.247.490
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		4.775.706.309.161	2.452.176.189.954
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	2.206.843.000.000	829.615.050.000
312	1.1. Vay ngắn hạn		2.206.843.000.000	829.615.050.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	20	40.209.367.939	13.095.044.834
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	21	408.518.796.761	12.249.632.308
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.141.002.000	2.303.002.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	45.505.365.098	19.807.239.112
323	6. Phải trả người lao động		9.241.405.870	2.316.425.663
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		3.750.693.088	3.077.910.210
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	49.485.192.001	51.161.576.580
327	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		262.303.989	199.803.990
328	10. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24	1.998.030.365.477	1.505.723.570.731
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	25	7.674.305.560	5.902.680.730
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.044.511.378	6.724.253.796
340	II. Nợ phải trả dài hạn		179.521.368.934	628.244.057.536
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	26	178.191.975.264	626.870.671.866
352	2. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		1.329.393.670	1.373.385.670
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.060.368.472.704	1.669.836.216.746
410	I. Vốn chủ sở hữu	27.1	2.060.368.472.704	1.669.836.216.746
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.643.181.396.700	1.221.129.178.800

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.643.310.840.000	1.221.242.800.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông		1.643.310.840.000	1.221.242.800.000
411.5	1.2. Cổ phiếu quỹ		(129.443.300)	(113.621.200)
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		39.987.506.742	26.552.236.410
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		39.977.522.642	26.542.252.310
416	4. Các quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu		1.625.982.305	1.625.982.305
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối	27.2	335.596.064.315	393.986.566.921
417.1	5.1. Lợi nhuận đã thực hiện		340.448.459.848	403.804.003.603
417.2	5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		(4.852.395.533)	(9.817.436.682)
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.015.596.150.799	4.750.256.464.236

Báo cáo tình hình tài chính (Tiếp theo)

B01-CTCK
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
002	Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	28.1	9.883.660.000	9.883.660.000
004	Nợ khó đòi đã xử lý	28.2	670.996.822.411	464.728.581.535
005	Ngoại tệ các loại	28.3		
	USD		-	35.302
	JPY		780	780
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	27.3	164.321.530	122.116.232
007	Cổ phiếu quỹ (số cổ phiếu)	27.3	9.554	8.048
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	28.4	250.926.160.000	267.911.720.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK		311.827.400.000	205.000.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	28.5	112.669.860.000	127.968.330.000
014	Chứng quyền (Số lượng)		14.290.430	12.161.590

B01-CTCK
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (Tiếp theo)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	28.6	30.298.783.350.000	23.275.914.210.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		18.024.525.240.000	14.609.534.610.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		852.294.400.000	584.205.680.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		7.816.888.050.000	6.321.143.800.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		2.858.544.630.000	1.503.105.680.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		746.531.030.000	257.924.440.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	28.7	391.472.620.000	384.136.760.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		21.772.550.000	26.629.120.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		369.700.070.000	357.507.640.000
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	28.8	675.618.050.000	205.222.410.000
024.b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	28.9	1.632.360.000	1.682.170.000
026	Tiền gửi của khách hàng		2.531.036.532.005	869.485.669.089
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.10	2.516.821.135.267	858.050.647.695
027.1	Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		103.200.581.767	147.403.731.094
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	28.10	5.023.102.737	2.214.488.747
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	28.11	9.192.294.001	9.220.532.647

**Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính
(Tiếp theo)**

B01-CTCK
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.12	2.521.844.238.004	860.265.136.442
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		2.501.824.003.728	852.972.718.349
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		20.020.234.276	7.292.418.093
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	28.13	84.738.364	523.418.364
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	28.14	9.107.555.637	8.697.114.283

Người lập biểu



Bà Lê Thị Thu Hiền
Phó phòng Kế toán

Người kiểm soát



Ông Nguyễn Văn Học
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 2 tháng 2 năm 2021

Báo cáo kết quả hoạt động

B02-CTCK
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2020

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		202.471.546.504	133.862.045.742
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	29.1	156.881.145.874	104.500.547.308
01.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	29.2	6.266.684.601	867.296.475
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	29.3	42.138.506.251	25.026.529.004
01.4	1.4. Chênh lệch giảm về đánh giá lại chứng quyền	29.2	(2.814.790.222)	3.467.672.955
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	29.4	55.312.791.015	32.003.500.678
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	29.5	318.478.598.985	310.293.579.616
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	29.6	920.000.000	578.000.000
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	30	350.101.297.732	250.751.242.938
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		18.113.149	80.434.783
09	7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		16.870.686.377	20.325.802.834
10	8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	31	119.447.817.916	122.304.720.431
11	9. Thu nhập hoạt động khác	32	51.928.909.968	73.568.262.904
20	Cộng doanh thu hoạt động		1.115.549.761.646	943.767.589.926
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		112.109.965.149	83.583.168.780
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	29.1	112.091.432.862	99.965.441.796
21.2	1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	29.2	(7.846.438.315)	(17.876.347.263)
21.3	1.3. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		2.772.939.344	1.022.886.541
21.4	1.4. Chênh lệch tăng về đánh giá lại chứng quyền	29.2	5.092.031.258	471.187.706
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	7.5	(8.870.000.000)	(53.409.149.899)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	33	26.789.600.746	24.926.656.046
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	34	317.931.877.638	268.922.275.021
29	5. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		107.000.000	76.000.000
30	6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		16.098.666.432	19.577.401.892
31	7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		54.770.078.063	58.525.427.060
32	8. Chi phí hoạt động khác	11	(28.668.398.046)	(8.238.479.457)
40	Cộng chi phí hoạt động		490.268.789.982	393.963.299.443

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		12.586.680	808.291
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		2.827.416.265	4.694.306.916
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		2.840.002.945	4.695.115.207
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
52	Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	35	187.285.347.054	174.478.690.303
60	Cộng chi phí tài chính		187.285.347.054	174.478.690.303
61	V. CHI PHÍ BÁN HÀNG		4.872.840.597	7.427.938.961
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	36	103.094.176.005	92.317.914.501
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		332.868.610.953	280.274.861.925
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	Thu nhập khác	37	3.239.383.862	8.603.570.496
72	Chi phí khác		2.916.134	300.168.605
80	Cộng kết quả hoạt động khác		3.236.467.728	8.303.401.891
90	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		336.105.078.681	288.578.263.816
91	Lợi nhuận đã thực hiện		329.898.777.245	266.838.134.828
92	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		6.206.301.436	21.740.128.988
100	X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	38	67.399.672.041	58.775.804.130
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	38.1	66.158.411.754	48.273.514.295
100.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	38.2	1.241.260.287	10.502.289.835
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		268.705.406.640	229.802.459.686
300	XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		1.730	1.882
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	39	1.730	1.882

Người lập biểu



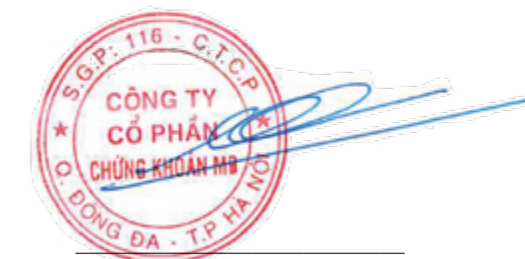
Bà Lê Thị Thu Hiền
Phó phòng Kế toán

Người kiểm soát



Ông Nguyễn Văn Học
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 2 tháng 2 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

B03-CTCK
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2020

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		336.105.078.681	288.578.263.816
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		126.894.184.265	102.138.983.852
03	Khấu hao TSCĐ		14.791.178.689	11.811.400.515
04	Các khoản dự phòng		(37.538.398.046)	(61.647.629.356)
05	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(12.586.680)	-
06	Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành		187.285.347.054	174.478.690.303
08	Dự thu tiền lãi		(37.631.356.752)	(22.503.477.610)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		(2.754.407.057)	(17.405.159.558)
11	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	29.2	(2.754.407.057)	(17.405.159.558)
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(3.451.894.379)	(4.334.969.430)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	29.2	(3.451.894.379)	(4.334.969.430)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		456.792.961.510	368.977.118.680
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(701.056.789.689)	(408.254.290.159)
32	Tăng các khoản đầu tư HTM		(279.990.000.000)	(221.253.143.926)
33	Tăng các khoản cho vay		(1.433.940.798.670)	(389.114.577.669)
34	Giảm tài sản tài chính AFS		13.518.785.000	96.700.649.899
35	(Tăng)/Giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(120.229.160.100)	250.000.000
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		22.503.477.610	16.842.208.135
37	Giảm/(tăng) các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		146.355.437.738	(9.439.886.997)
39	(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		(146.476.064.883)	11.236.376.641
40	Giảm/(tăng) các tài sản khác		1.490.481.870	(2.227.512.215)
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		7.697.209.011	(18.463.272.968)
42	Tăng chi phí trả trước		5.835.910.993	984.861.687
43	Thuế TNDN đã nộp	22	(52.694.394.141)	(40.589.726.458)
44	Lãi vay đã trả		(196.658.940.644)	(185.146.638.753)
45	Tăng phải trả cho người bán		396.063.172.453	4.654.963.844
46	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		672.782.878	593.143.794
47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		12.234.108.373	(2.241.438.131)
48	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		6.924.980.207	(1.395.371.914)
50	Tăng phải trả, phải nộp khác		496.880.531.201	585.571.694.935
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.364.076.309.283)	(192.314.841.575)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(17.384.625.098)	(34.839.773.054)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(326.800.000)	382.325.455
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(17.711.425.098)	(34.457.447.599)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		299.953.620.000	-
72	Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		(15.822.100)	(9.006.500)
73	Tiền vay gốc		7.186.788.517.998	3.387.437.905.520
73.2	-Tiền vay khác		7.186.788.517.998	3.387.437.905.520
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(6.258.239.264.600)	(3.204.534.000.000)
74.3	-Tiền chi trả gốc vay khác		(6.258.239.264.600)	(3.204.534.000.000)
75	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(164.322.801.000)	-
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.064.164.250.298	182.894.899.020
90	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(317.623.484.083)	(43.877.390.154)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	414.572.303.541	458.449.693.695
101.1	Tiền		237.272.303.541	353.049.693.695
	Các khoản tương đương tiền		177.300.000.000	105.400.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM		96.948.819.458	414.572.303.541
103.1	Tiền		49.648.819.458	237.272.303.541
103.2	Các khoản tương đương tiền		47.300.000.000	177.300.000.000

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Tiếp theo)

B03-CTCK

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31

tháng 12 năm 2020

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		84.523.929.035.310	54.972.633.601.648
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(85.355.222.559.350)	(53.730.478.824.517)
07	3. Nhận tiền gửi/(chi trả) để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		2.501.638.842.073	(1.890.349.423.683)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(8.766.216.471)	(8.079.400.343)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.940.391.733.518	2.224.453.079.714
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(1.940.419.972.164)	(2.217.450.212.054)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		1.661.550.862.916	(649.271.179.235)
	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		869.485.669.089	1.518.756.848.324
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		869.485.669.089	1.518.756.848.324
32	• Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		858.050.647.695	1.514.979.124.473
	Trong đó			
	<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>		710.646.916.601	1.154.820.916.966
	<i>Tiền gửi kỳ quỹ của nhà đầu tư tại VSD</i>		147.403.731.094	360.158.207.507
33	• Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		2.214.488.747	1.560.058.864
35	• Tiền gửi của Tổ chức phát hành		9.220.532.647	2.217.664.987

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		2.531.036.532.005	869.485.669.089
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		2.531.036.532.005	869.485.669.089
42	• Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		2.516.821.135.267	858.050.647.695
	Trong đó			
	<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>		2.413.620.553.500	710.646.916.601
	<i>Tiền gửi kỳ quỹ của nhà đầu tư tại VSD</i>		103.200.581.767	147.403.731.094
43	• Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		5.023.102.737	2.214.488.747
45	• Tiền gửi của Tổ chức phát hành		9.192.294.001	9.220.532.647

Người lập biểu



Bà Lê Thị Thu Hiền
Phó phòng Kế toán

Người kiểm soát



Ông Nguyễn Văn Học
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 2 tháng 2 năm 2021

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

B04-CTCK
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31
tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm trong năm				Số dư cuối năm	
	Ngày 1/1/2019	Ngày 1/1/2020	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2019	Ngày 31/12/2020
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.221.138.185.300	1.221.129.178.800	(9.006.500)	-	422.052.217.900	-	1.221.129.178.800	1.643.181.396.700
1.1 Cổ phiếu phổ thông	1.221.242.800.000	1.221.242.800.000	-	-	422.068.040.000	-	1.221.242.800.000	1.643.310.840.000
1.2 Cổ phiếu quỹ	(104.614.700)	(113.621.200)	(9.006.500)	-	(15.822.100)	-	(113.621.200)	(129.443.300)
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	15.062.113.426	26.552.236.410	11.490.122.984	-	13.435.270.332	-	26.552.236.410	39.987.506.742
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	15.052.129.326	26.542.252.310	11.490.122.984	-	13.435.270.332	-	26.542.252.310	39.977.522.642
Các Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	1.628.982.305	1.625.982.305	-	3.000.000	-	-	1.625.982.305	1.625.982.305
1. Lợi nhuận chưa phân phối	207.590.887.214	393.986.566.921	229.807.666.863	43.411.987.156	268.705.406.640	327.095.909.246	393.986.566.921	335.596.064.315
a. Lợi nhuận đã thực hiện	228.641.997.306	403.804.003.603	218.569.827.711	43.407.821.414	263.740.365.491	327.095.909.246	403.804.003.603	340.448.459.848
b. Lợi nhuận chưa thực hiện	(21.051.110.092)	(9.817.436.682)	11.237.839.152	4.165.742	4.965.041.149	-	(9.817.436.682)	(4.852.395.533)
TỔNG CỘNG	1.460.472.297.571	1.669.836.216.746	252.778.906.331	43.414.987.156	717.628.165.204	327.095.909.246	1.669.836.216.746	2.060.368.472.704

Người lập biểu

Bà Lê Thị Thu Hiền
Phó phòng Kế toán

Người kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Học
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 2 tháng 2 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính

B09-CTCK

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

và cho năm tài chính kết thúc

cùng ngày

1. Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 116/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu vào ngày 9 tháng 12 năm 2013 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán mới nhất số 12/GPĐC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 6 năm 2014.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 7 và 8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có một (1) trụ sở chính và bảy (7) chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 605 người (31 tháng 12 năm 2019: 640 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.643.310.840.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.060.368.472.704 VND và tổng tài sản là 7.015.596.150.799 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn tài chính, Công ty hoạt động với mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, đem lại những lợi ích cốt lõi cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu, cổ phiếu;

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. Cơ sở trình bày

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

và cho năm tài chính kết thúc

cùng ngày

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng

khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.3. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các chứng khoán cơ sở là tài sản đảm bảo cho các chứng quyền mua có bảo đảm được phân loại và ghi nhận ban đầu là tài sản tài chính FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

và cho năm tài chính kết thúc

cùng ngày

4.4. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS thay đổi (tăng hoặc giảm) so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS" thuộc phần thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng cần trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại là sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn như trình bày ở Thuyết minh số 4.6. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng cần trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.6. Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

và cho năm tài chính kết thúc

cùng ngày

hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.7. Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau :

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (3) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên được xác định bằng với giá gốc cộng với lãi dự thu (nếu có).

4.8. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.9. Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS cho mục đích bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.10. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

và cho năm tài chính kết thúc

cùng ngày

4.11. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí hoạt động khác" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các khoản phải thu quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng tương ứng.

4.12. Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.13. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	2 - 5 năm

4.14. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.15. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng và các chi phí trả trước khác.

4.16. Các khoản vay và phát hành trái phiếu

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc, bao gồm khoản tiền thu được trừ đi chi phí phát hành, tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.17. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Chứng quyền mua có bảo đảm

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

và cho năm tài chính kết thúc

cùng ngày

Chứng quyền mua có bảo đảm được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý trên khoản mục “Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán”.

Các khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại chứng quyền mua có bảo đảm theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành”. Khoản chênh lệch chứng quyền mua có bảo đảm theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành”.

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước khác

Các khoản phải trả và chi phí trích trước khác được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.18. Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Theo quy định, Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng của nhân viên. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.19. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.20. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng quyền có bảo đảm

Thu nhập từ mua chứng quyền có bảo đảm trong kỳ được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá mua và giá vốn bình quân của chứng quyền.

Thu nhập phát sinh khi chứng quyền có đảm bảo đáo hạn ở trạng thái có lãi được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của chứng quyền và mức chênh lệch giữa giá thanh toán và giá thực hiện của chứng quyền tại thời điểm đáo hạn.

Thu nhập phát sinh khi chứng quyền có đảm bảo đáo hạn ở trạng thái lỗ hoặc hòa vốn bằng giá trị ghi sổ của các chứng quyền tương ứng.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

và cho năm tài chính kết thúc

cùng ngày

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.21. Chi phí tiền lãi

Chi phí tiền lãi bao gồm lãi phải trả tiền vay và lãi phải trả của trái phiếu do Công ty phát hành và các khoản tiền lãi phát sinh từ các dịch vụ khác của Công ty. Chi phí tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

4.22. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

và cho năm tài chính kết thúc

cùng ngày

4.24. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	30%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	50%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4.25. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.26. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.27. Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	49.648.819.458	237.272.303.541
Các khoản tương đương tiền	47.300.000.000	177.300.000.000
Tổng cộng	96.948.819.458	414.572.303.541

6. Giá trị khối lượng giao dịch thực tiễn trong năm

	Năm 2020		Năm 2019	
	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a. Của Công ty	619.544.290	15.127.551.225.400	90.963.188	5.644.572.672.100
- Cổ phiếu	93.103.150	2.753.656.811.400	27.660.738	886.298.004.400
- Trái phiếu	109.280.000	11.570.387.200.000	43.880.000	4.732.591.230.000
- Chứng khoán khác	417.161.140	803.507.214.000	19.422.450	25.683.437.700
b. Của nhà đầu tư	10.946.506.031	176.749.886.617.660	5.789.817.481	113.642.009.360.265
- Cổ phiếu	10.689.890.991	176.198.811.167.760	5.731.210.998	113.406.232.434.068
- Trái phiếu	470.000	48.344.550.000	980.123	97.183.666.597
- Chứng khoán khác	256.145.040	502.730.899.900	57.626.360	138.593.259.600
Tổng cộng	11.566.050.321	191.877.437.843.060	5.880.780.669	119.286.582.032.365

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

7. Các loại tài sản tài chính

7.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	124.215.792.649	124.855.634.464	84.511.781.845	71.038.500.744
HPG	42.436.185.051	43.279.603.000	25.600	27.920
TCB	17.096.216.429	20.969.550.000	981.728	700.000
MSN	18.075.097.896	19.106.388.000	7.836.073.551	8.174.992.000
VNM	16.218.455.127	16.268.646.400	153.330	109.680
PNJ	7.272.234.294	7.654.176.000	38.324	120.000
VPB	3.982.178.682	4.301.862.500	526.148	440.800
SD3	9.157.541.200	3.323.988.000	1.438.800	92.400
VRE	2.890.008.883	3.168.950.800	339.633	368.900
MWG	2.141.697.926	2.198.698.800	585.100	476.000
STB	1.094.000.984	1.147.053.700	88.900	145.600
FPT	1.068.410.405	1.102.096.800	904.748	415.720
Cổ phiếu niêm yết khác	2.783.765.772	2.334.620.464	76.670.625.983	62.860.611.724
Chứng chỉ tiền gửi	305.769.259.000	305.769.259.000	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	688.187.286.189	688.187.286.189	577.985.766.304	577.985.766.304
Trái phiếu niêm yết	349.791.000.000	349.791.000.000	104.409.000.000	104.409.000.000
Tổng cộng	1.467.963.337.838	1.468.603.179.653	766.906.548.148	753.433.267.048

Trong đó, chứng khoán sử dụng làm tài sản bảo đảm cho chứng quyền có giá gốc và giá trị hợp lý như sau:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết				
FPT	1.042.460.106	1.069.650.900	2.070.022.800	2.133.780.000
GMD	-	-	2.610.859.243	2.251.712.000
HDB	-	47.500		
HPG	42.368.924.224	43.200.019.000	7.816.501.558	8.154.500.000
KDH	361.908.162	386.760.000		
MSN	18.074.424.770	19.105.499.000	966.750.000	960.500.000
MWG	2.134.710.246	2.191.327.000		
PNJ	7.234.395.986	7.608.330.000	13.992.526.606	14.487.560.000
REE			3.152.018.500	3.133.053.000
STB	1.086.994.990	1.139.060.000		
TCB	17.096.216.429	20.969.550.000	6.437.007.063	6.291.382.500
VHM			1.723.722.000	1.696.000.000
VNM	16.137.037.847	16.186.828.800	8.357.036.020	7.409.400.000
VPB	3.947.499.357	4.255.875.000		
VRE	2.877.907.640	3.155.700.000	234.734.500	238.000.000
Tổng cộng	112.362.479.757	119.268.647.200	47.361.178.290	46.755.887.500

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

7.2. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	739.565.039.025	532.825.039.025
Tài sản dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	150.000.000.000	76.750.000.000
Tổng cộng	889.565.039.025	609.575.039.025

Trong đó, tổng số tiền gửi kỳ quỹ đảm bảo thanh toán tại Ngân hàng lưu ký của tổ chức phát hành như sau:

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	70.750.000.000	23.080.000.000

7.3. Các khoản cho vay

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay hoạt động ký quỹ	3.737.988.034.551	3.737.988.034.551	2.575.617.585.270	2.575.617.585.270
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	385.351.727.245	385.351.727.245	113.781.377.856	113.781.377.856
Tổng cộng	4.123.339.761.796	4.123.339.761.796	2.689.398.963.126	2.689.398.963.126

7.4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	113.365.529.369	54.309.799.924	126.884.314.369	58.958.584.924

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

7. Các loại tài sản tài chính (Tiếp theo)

7.5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	31/12/2020				31/12/2019	(Trích lập)/Hoàn nhập trong năm VND
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị dự phòng VND	
Tài sản tài chính AFS						
CTCP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	1.710.000	46.768.500.000	22.230.000.000	(24.538.500.000)	(24.538.500.000)	-
CTCP Chế biến Thủy sản Út Xi	894.705	26.214.856.500	7.157.640.000	(19.057.216.500)	(19.057.216.500)	-
CTCP Đầu tư Tài chính Thăng Long	-	-	-	-	(7.640.000.000)	7.640.000.000
CTCP Giao nhận kho vận ngoại thương HP	-	-	-	-	(1.230.000.000)	1.230.000.000
CTCP công nghiệp cao su COECCO	492.000	7.380.000.000	4.920.000.000	(2.460.000.000)	(2.460.000.000)	-
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	2.800.153	33.002.172.869	20.002.159.924	(13.000.012.945)	(13.000.012.945)	-
Tổng cộng	5.896.858	113.365.529.369	54.309.799.924	(59.055.729.445)	(67.925.729.445)	8.870.000.000

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

và cho năm tài chính kết thúc

cùng ngày

7. Các loại tài sản tài chính (Tiếp theo)

7.5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp (Tiếp theo)

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính AFS:

Mục tiêu kinh doanh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Số dư đầu năm	1.121,6	1.300,5
Hoàn nhập trong năm	785,5	850,5
Số dư cuối năm	336,1	450,0

7.6. Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Các loại tài sản tài chính	31/12/2020			Giá trị đánh giá lại VND
	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	124.215.792.649	7.270.291.189	(6.630.449.374)	124.855.634.464
Trái phiếu niêm yết	349.791.000.000	-	-	349.791.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	688.187.286.189	-	-	688.187.286.189
AFS				
Cổ phiếu chưa niêm yết	110.365.529.369	-	(56.055.729.445)	54.309.799.924
Đầu tư khác	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-
Tổng cộng	1.275.559.608.207	7.270.291.189	(65.686.178.819)	1.217.143.720.577

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Các loại tài sản tài chính	Giá mua VND	31/12/2019		Giá trị đánh giá lại VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	84.511.781.845	1.003.606.588	(14.476.887.689)	71.038.500.744
Trái phiếu niêm yết	104.409.000.000	-	-	104.409.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	577.985.766.304	-	-	577.985.766.304
AFS				
Cổ phiếu chưa niêm yết	123.884.314.369	-	(64.925.729.445)	58.958.584.924
Đầu tư khác	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-
Tổng cộng	893.790.862.518	1.003.606.588	(82.402.617.134)	812.391.851.972

8. Các khoản phải thu

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	120.229.160.100	-
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	5.813.239.017	4.962.601.090
<i>Phải thu cổ tức</i>	134.666.300	199.507.900
<i>Phải thu tiền lãi - Công cụ thị trường tiền tệ</i>	107.123.287	-
<i>Phải thu lãi cho vay margin</i>	5.571.449.430	4.763.093.190
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	31.818.117.735	17.540.876.520
<i>Dự thu lãi trái phiếu</i>	7.697.712.409	4.145.045.773
<i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	24.120.405.326	13.395.830.747
Tổng cộng	157.860.516.852	22.503.477.610

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	21.889.250.000	20.856.900.500
Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư và hợp tác kinh doanh chứng khoán	-	09.638.080.975
Phải thu dịch vụ khác	1.310.766.403	37.068.743.818
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	61.638	-
Phải thu của khách hàng dịch vụ tài chính khác	68.154.069	2.059.944.555
Tổng cộng	23.268.232.110	169.623.669.848

10. Các khoản phải thu khác

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải thu lãi các dịch vụ tài chính CTCK cung cấp	-	80.428.262.725
Phải thu khác	5.959.803.591	14.826.107.184
Tổng cộng	5.959.803.591	95.254.369.909

11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Dự phòng phải thu các dịch vụ do CTCK cung cấp	3.361.200.000	239.718.265.345
Dự phòng phải thu khác	138.700.000	138.700.000
Tổng cộng	3.499.900.000	239.856.965.345

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu trong năm:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Số dư đầu năm	239.856.965.345	250.674.104.530
Hoàn nhập trong năm	(28.668.398.046)	(8.238.479.457)
Xử lý khoản phải thu tổn thất bằng nguồn dự phòng trong năm	(207.688.667.299)	(2.578.659.728)
Số dư cuối năm	3.499.900.000	239.856.965.345

12. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	645.685.425	929.080.663
Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ	2.179.807.489	190.026.185
Chi phí trả trước khác	1.653.905.409	2.729.614.895
Tổng cộng	4.479.398.323	3.848.721.743

13. Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Đặt cọc thuê văn phòng	133.478.223	146.736.523
Đặt cọc khác	15.090.000.000	15.090.000.000
Tổng cộng	15.223.478.223	15.236.736.523

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

và cho năm tài chính kết thúc

cùng ngày

14. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	81.807.265.623	8.102.006.999	4.980.292.173	94.889.564.795
Mua trong năm	10.742.811.200	-	-	10.742.811.200
Giảm trong năm	(133.401.260)	(968.000.000)	-	(1.101.401.260)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	92.416.675.563	7.134.006.999	4.980.292.173	104.530.974.735
Khấu hao lũy kế				
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	54.167.588.778	4.097.326.359	3.089.555.740	61.354.470.877
Khấu hao trong năm	7.215.322.542	976.663.272	477.108.501	8.669.094.315
Giảm trong năm	(133.401.260)	(968.000.000)	-	(1.101.401.260)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	61.249.510.060	4.105.989.631	3.566.664.241	68.922.163.932
Giá trị còn lại				
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	27.639.676.845	4.004.680.640	1.890.736.433	33.535.093.918
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	31.167.165.503	3.028.017.368	1.413.627.932	35.608.810.803

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 52.123.623.088 đồng (31 tháng 12 năm 2019: 53.023.724.348 đồng).

Biến động số dư tài sản cố định hữu hình năm 2019 như sau:

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	59.012.919.045	5.514.706.999	4.443.305.211	68.970.931.255
Tăng trong kỳ	22.892.628.560	2.587.300.000	536.987.000	26.016.915.560
Giảm trong năm	(98.281.982)	-	(38)	(98.282.020)
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	81.807.265.623	8.102.006.999	4.980.292.173	94.889.564.795
Khấu hao lũy kế				
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	48.378.575.680	3.137.242.589	2.637.715.568	54.153.533.837
Tăng trong năm	5.887.295.080	960.083.770	451.840.210	7.299.219.060
Giảm trong năm	(98.281.982)	-	(38)	98.282.020)
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	54.167.588.778	4.097.326.359	3.089.555.740	61.354.470.877
Giá trị còn lại				
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	10.634.343.365	2.377.464.410	1.805.589.643	14.817.397.418
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	27.639.676.845	4.004.680.640	1.890.736.433	33.535.093.918

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	25.895.687.373
Mua trong năm	7.311.413.898
Giảm trong năm	(334.800.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	32.872.301.271
Hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	9.205.708.695
Hao mòn trong năm	6.122.084.374
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	15.327.793.069
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	16.689.978.678
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	17.544.508.202

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.608.233.300 đồng (31 tháng 12 năm 2019: 1.608.233.300 đồng).

Biến động số dư tài sản cố định vô hình năm 2019 như sau:

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	25.895.687.373
Mua trong năm	3.673.696.842
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	29.569.384.215
Hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	9.205.708.695
Hao mòn trong năm	2.932.259.498
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	12.137.968.193
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	16.689.978.678
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	17.431.416.022

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

và cho năm tài chính kết thúc

cùng ngày

16. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Chi phí thuê nhà dài hạn	58.882.750.431	62.897.883.315
Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ dài hạn	1.577.625.539	3.054.863.373
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ dài hạn	4.824.102.242	7.442.495.665
Chi phí đồng phục dài hạn	2.081.629.470	244.239.059
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.980.434	199.194.277
Tổng cộng	67.372.088.116	73.838.675.689

17. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD").

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Tổng Giám đốc VSD, Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và Thông tư số 43/2010/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc VSD, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSD và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Số dư đầu năm	12.956.433.957	10.456.433.957
Tiền nộp thêm	2.500.000.000	1.978.342.775
Lãi phân bổ	-	521.657.225
Số dư cuối năm	15.456.433.957	12.956.433.957

18. Tài sản dài hạn khác

Tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD"). Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng Giám đốc VSD về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ ("Quyết định 97"), Quyết định số 145/QĐ-VSD ngày 4 tháng 8 năm 2017 về việc sửa đổi Quyết định 97, thành viên bù trừ có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền (VND) hoặc chứng khoán. Tỷ lệ đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền tối thiểu do VSD quy định cụ thể.

Chi tiết tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh như sau:

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Số dư đầu năm	10.069.607.035	10.051.174.530
Lãi trong năm	20.184.332	18.432.505
Lãi phân bổ	-	521.657.225
Số dư cuối năm	10.089.791.367	10.069.607.035

19. Vay ngắn hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Vay ngắn hạn tổ chức tín dụng	2.206.843.000.000	829.615.050.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	720.000.000.000	300.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	305.000.000.000	229.615.050.000
Ngân hàng TNHH CTBC - CN HCM	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	241.800.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina	200.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	95.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	199.491.000.000	-
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng	198.242.000.000	-
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam	47.500.000.000	-
Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	99.810.000.000	-

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn từ 1 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 2,8% đến 7%/năm cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng và chứng khoán chưa niêm yết thuộc sở hữu của Công ty.

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

20. Phải trả giao dịch chứng khoán

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải trả chứng quyền	29.131.447.400	7.325.028.000
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	9.703.331.620	4.259.202.104
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	1.374.588.919	1.510.814.730
Tổng cộng	40.209.367.939	13.095.044.834

Trong đó, chi tiết chứng quyền Công ty phát hành trong năm như sau:

	Số lượng được phép phát hành	Số lượng đang lưu hành
CFPT2017	2.400.000	106.570
CHPG2026	3.000.000	2.697.220
CKDH2004	2.000.000	36.490
CMSN2013	2.000.000	1.735.850
CMWG2017	2.400.000	209.600
CPNJ2010	2.000.000	510.620
CSTB2017	2.000.000	85.260
CTCB2011	1.000.000	665.510
CVNM2015	2.000.000	1.927.710
CVPB2014	2.000.000	263.840
CVRE2015	2.000.000	270.900
Tổng cộng	22.800.000	8.509.570

21. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải trả tiền mua các tài sản tài chính	397.240.843.300	-
Phải trả phí môi giới giới thiệu khách hàng và cung cấp dịch vụ	11.277.953.461	12.249.632.308
Tổng cộng	408.518.796.761	12.249.632.308

22. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	545.702.131	546.204.958
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.967.886.981	8.503.869.368
Thuế thu nhập cá nhân	22.441.096.192	10.635.711.193
Các loại thuế khác	550.679.794	121.453.593
Tổng cộng	45.505.365.098	19.807.239.112

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
 Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
 và cho năm tài chính kết thúc
 cùng ngày

22. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Tiếp theo)

Biến động thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm:

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải trả đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải trả cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	546.204.958	4.914.507.475	4.915.010.302	-	545.702.131
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.503.869.368	66.158.411.754	52.694.394.141	-	21.967.886.981
Thuế thu nhập cá nhân	10.593.662	10.635.711.193	152.780.805.051	140.964.826.390	-	22.441.096.192
Các loại thuế khác	-	121.453.593	3.256.575.779	2.827.349.578	-	550.679.794
Tổng cộng	10.593.662	19.807.239.112	227.110.300.059	201.401.580.411	-	45.505.365.098

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Dự trả lãi trái phiếu phát hành	2.752.663.580	12.676.135.564
Dự trả lãi vay các tổ chức tín dụng	4.267.044.398	758.107.230
Dự trả cho các lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân và tổ chức	15.652.175.836	18.611.234.610
Chi phí phải trả khác	26.813.308.187	19.116.099.176
Tổng cộng	49.485.192.001	51.161.576.580

24. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Nhận ký quỹ, ký cược theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với khách hàng	1.998.030.365.477	1.505.723.570.731

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn theo hợp đồng hợp tác với các nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân) thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán, thời hạn từ 1 tuần đến 12 tháng và trả thu nhập từ 1,8% đến 9,563%/năm tính trên số dư tài khoản ký quỹ, ký cược. (31/12/2019: 2% - 9,895%/năm)

25. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải trả cho các dịch vụ tài chính khác	620.225.074	891.942.353
Các khoản phải trả khác	7.054.080.486	5.010.738.377
Tổng cộng	7.674.305.560	5.902.680.730

26. Trái phiếu phát hành dài hạn

Năm phát hành	Lô	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
2017	Lô 1	8% - 8,2%	2020	-	1.000.000.000
	Lô 2	8%		-	28.000.000.000
	Lô 3	8%		-	7.000.000.000
	Lô 4	8%		-	5.000.000.000
	Lô 5	8%		-	2.000.000.000
2018	Lô 1	8,3%	2021	7.000.000.000	7.000.000.000
	Lô 2	8,225%		9.000.000.000	9.000.000.000
	Lô 3	8%		-	-
	Lô 4	8%		-	-
2019	Lô 2	8,5%	2020	-	200.000.000.000
	Lô 3	7,6%	2022	82.000.000.000	151.000.000.000
	Lô 4	7,35%	2022	81.000.000.000	219.000.000.000
Chi phí phát hành				(808.024.736)	(2.129.328.134)
Trái phiếu phát hành dài hạn				178.191.975.264	626.870.671.866

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

27. Vốn chủ sở hữu

27.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	1.221.242.800.000	(104.614.700)	15.062.113.426	15.052.129.326	1.628.982.305	207.590.887.214	1.460.472.297.571
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	229.802.459.686	229.802.459.686
Mua cổ phiếu quỹ	-	(9.006.500)	-	-	-	-	(9.006.500)
Trích lập quỹ	-	-	11.490.122.984	11.490.122.984	-	(22.980.245.968)	-
Thưởng nhân viên	-	-	-	-	-	(9.870.445.486)	(9.870.445.486)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(10.641.133.646)	(10.641.133.646)	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	85.045.121	85.045.121	-	-
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(3.000.000)	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.221.242.800.000	(113.621.200)	26.552.236.410	26.542.252.310	1.625.982.305	393.986.566.921	1.669.836.216.746
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	268.705.406.640	268.705.406.640
Trích lập quỹ	-	-	13.435.270.332	13.435.270.332	-	(26.870.540.664)	-
Phát hành cổ phiếu	299.953.620.000	-	-	-	-	-	299.953.620.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	(15.822.100)	-	-	-	-	(15.822.100)
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	122.114.420.000	-	-	-	-	(122.114.420.000)	-
Chi trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(164.322.801.000)	(164.322.801.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(13.788.147.582)	(13.788.147.582)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.643.310.840.000	(129.443.300)	39.987.506.742	39.977.522.642	1.625.982.305	335.596.064.315	2.060.368.472.704

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

27. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

27.2. Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	340.448.459.848	403.804.003.603
Lợi nhuận chưa thực hiện	(4.852.395.533)	(9.817.436.682)
Tổng cộng	335.596.064.315	393.986.566.921

27.3. Cổ phiếu

Đơn vị: Cổ phiếu

	31/12/2020	31/12/2019
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	164.331.084	122.124.280
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	164.331.084	122.124.280
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	164.331.084	122.124.280
- Cổ phiếu phổ thông	164.331.084	122.124.280
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	(9.554)	(8.048)
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(9.554)	(8.048)
- Cổ phiếu phổ thông	(9.554)	(8.048)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	164.321.530	122.116.232
- Cổ phiếu phổ thông	164.321.530	122.116.232
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

28. Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

28.1. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	9.883.660.000	9.883.660.000
Tổng cộng	9.883.660.000	9.883.660.000

28.2. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Dịch vụ hợp đồng có cam kết mua bán lại	46.277.548.074	46.756.319.635
Dịch vụ tài chính niêm yết	246.403.411.744	246.944.691.706
Dịch vụ tài chính khác	170.578.170.194	171.027.570.194
Nợ khó đòi đã xử lý khác	207.737.692.399	-
Tổng cộng	670.996.822.411	464.728.581.535

28.3. Ngoại tệ các loại

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Ngoại tệ bằng USD		
Số lượng	-	35.302
Giá trị quy đổi	-	815.660.566
Ngoại tệ bằng JPY		
Số lượng	780	780
Giá trị quy đổi	142.233	142.233

28.4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản tài chính		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	136.165.410.000	154.634.670.000
Tài sản tài chính ký quỹ đảm bảo khoản vay	13.063.050.000	13.063.050.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	101.697.700.000	100.214.000.000
Tổng cộng	250.926.160.000	267.911.720.000

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

28. Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (Tiếp theo)

28.5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	112.669.860.000	127.968.330.000

28.6. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	18.024.525.240.000	14.609.534.610.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	852.294.400.000	584.205.680.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	7.816.888.050.000	6.321.143.800.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	2.858.544.630.000	1.503.105.680.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	746.531.030.000	257.924.440.000
Tổng cộng	30.298.783.350.000	23.275.914.210.000

28.7. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	21.772.550.000	26.629.120.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	369.700.070.000	357.507.640.000
Tổng cộng	391.472.620.000	384.136.760.000

28.8. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư trong nước	675.478.750.000	205.013.710.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư nước ngoài	139.300.000	208.700.000
Tổng cộng	675.618.050.000	205.222.410.000

28.9. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư trong nước	1.632.360.000	1.682.170.000
Tổng cộng	1.632.360.000	1.682.170.000

28.10. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.327.950.076.198	668.212.754.733
• Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.326.199.883.804	667.558.476.075
• Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.750.192.394	654.278.658
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư để theo dõi tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư	85.670.477.302	42.434.161.868
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	103.200.581.767	147.403.731.094
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	5.023.102.737	2.214.488.747
Tổng cộng	2.521.844.238.004	860.265.136.442

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

28. Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (Tiếp theo)

28.11. Tiền gửi của Tổ chức phát hành

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	84.738.364	523.418.364
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	9.107.555.637	8.697.114.283
Tổng cộng	9.192.294.001	9.220.532.647

28.12. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.501.824.003.728	852.972.718.349
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	20.020.234.276	7.292.418.093
Tổng cộng	2.521.844.238.004	860.265.136.442

28.13. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Trần Thúy Vân Vi	70.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	10.953.000	10.953.000
Công ty CP du lịch Kim Liên	488.085	488.085
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán khác	3.297.279	511.977.279
Tổng cộng	84.738.364	523.418.364

28.14. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	9.107.555.637	8.697.114.283
Tổng cộng	9.107.555.637	8.697.114.283

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

29. Lãi/(Lỗ) từ các tài sản chính

29.1. Lãi/(Lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

B09-CTCK

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

và cho năm tài chính kết thúc

cùng ngày

29.1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước VND
1	Cổ phiếu niêm yết	24.632.850	712.992.238.678	671.702.461.174	41.289.777.504	7.695.679.053
	HPG	4.750.700	146.049.374.000	134.453.551.666	11.595.822.334	715.988.343
	MSN	314.050	23.481.952.000	19.827.305.390	3.654.646.610	253.500
	TCB	2.112.450	52.050.754.000	48.519.618.168	3.531.135.832	61.745.494
	HSG	2.600.000	37.141.000.000	33.795.208.600	3.345.791.400	-
	STB	2.913.540	41.655.737.500	38.525.375.194	3.130.362.306	-
	FPT	1.303.980	69.094.685.500	65.527.022.486	3.567.663.014	3.524.270.788
	PNJ	614.140	48.931.633.000	46.149.653.631	2.781.979.369	297.109.437
	REE	1.485.880	51.035.792.000	49.351.890.799	1.683.901.201	42.254.852
	MWG	372.130	40.887.226.000	39.188.040.307	1.699.185.693	1.645.808.958
	Cổ phiếu niêm yết khác	8.165.980	202.664.084.678	196.364.794.933	6.299.289.745	1.408.247.681
2	Chứng chỉ tiền gửi	1.200.700	2.012.920.794.678	2.008.646.574.000	4.274.220.678	6.467.419.269
3	Trái phiếu niêm yết	23.250.000	2.427.953.980.000	2.427.513.460.000	440.520.000	2.480.100.000
	Trái phiếu TD2025006	1.000.000	100.567.000.000	100.367.500.000	199.500.000	-
	Trái phiếu TD2030016	1.950.000	190.413.350.000	190.381.800.000	31.550.000	-
	Trái phiếu TD2035024	1.610.000	160.725.080.000	160.697.580.000	27.500.000	-
	Trái phiếu TD2035026	2.200.000	222.409.400.000	222.385.400.000	24.000.000	-
	Trái phiếu TD1636502	-	-	-	-	1.644.400.000
	Trái phiếu niêm yết khác	16.490.000	1.753.839.150.000	1.753.681.180.000	157.970.000	835.700.000
4	Trái phiếu chưa niêm yết	32.861.513	3.606.004.417.321	3.545.791.142.580	60.213.274.741	74.029.412.314
	Trái phiếu VCPBOND2020-02	5.381.819	555.700.198.167	541.734.831.108	13.965.367.059	-
	Trái phiếu NVLBOND2020-01	6.741.325	689.429.781.571	678.199.185.916	11.230.595.655	-
	Trái phiếu BCMBOND2019-01	1.820.289	188.494.855.545	183.679.773.293	4.815.082.252	-
	Trái phiếu HPXBOND2020-01	2.091.626	213.843.452.929	209.424.797.503	4.418.655.426	-
	Trái phiếu NVLBOND2019-05	1.975.132	204.342.506.327	200.554.345.896	3.788.160.431	6.132.513.545
	Trái phiếu PLGBOND2019-01	1.419.422	146.031.917.624	142.251.191.577	3.780.726.047	244.622.784
	Trái phiếu NVLBOND2020-04	2.500.000	253.441.881.535	250.000.000.000	3.441.881.535	-
	Trái phiếu KCBOND2019-05	2.136.235	223.261.793.851	219.872.123.049	3.389.670.802	7.718.400.263
	Trái phiếu NVLBOND2020-03	2.143.997	217.774.074.682	214.646.019.434	3.128.055.248	-
	Trái phiếu NVLBOND2019-04	1.851.531	190.587.231.271	188.235.217.389	2.352.013.882	4.407.544.839
	Trái phiếu chưa niêm yết khác	4.800.137	723.096.723.819	717.193.657.415	5.903.066.404	55.526.330.883

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

29. Lãi/(Lỗ) từ các tài sản chính (Tiếp theo)

29.1. Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL (Tiếp theo)

B09-CTCK

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

và cho năm tài chính kết thúc

cùng ngày

29.1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL (Tiếp theo)

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước VND
5	Chứng quyền có bảo đảm	110.640.930	147.589.674.364	135.510.464.800	33.012.672.951	13.148.636.672
	Đáo hạn chứng quyền CVNM1905	1.207.050			2.496.508.543	-
	Đáo hạn chứng quyền CFPT1908	950.770			2.449.066.362	-
	Đáo hạn chứng quyền CVPB2005	1.371.530			2.156.026.118	-
	Đáo hạn chứng quyền CPNJ2001	1.910.830			1.872.806.080	-
	Đáo hạn chứng quyền CMWG2002	1.981.220			1.598.609.856	-
	Đáo hạn chứng quyền CMSN2004	1.336.890			1.550.043.621	-
	Đáo hạn chứng quyền CTCB1901	923.910			1.543.235.382	-
	Đáo hạn chứng quyền CGMD1901	1.113.370			1.076.617.696	-
	Đáo hạn chứng quyền CPNJ2004	2.499.990			1.023.135.398	-
	Đáo hạn chứng quyền khác	11.896.970			5.167.414.331	9.701.672.665
	Mua chứng quyền CHPG2003	7.551.920	6.858.515.982	4.690.957.800	2.167.558.182	-
	Mua chứng quyền CFPT1908	3.571.930	6.749.556.843	5.578.451.300	1.171.105.543	-
	Mua chứng quyền CPNJ2001	2.722.420	3.678.028.958	3.054.196.300	623.832.658	-
	Mua chứng quyền CMSN2004	2.367.060	4.008.458.215	3.414.976.400	593.481.815	-
	Mua chứng quyền CTCB2004	3.879.660	6.837.880.581	6.289.242.500	548.638.081	-
	Mua chứng quyền CVNM2003	4.240.340	9.961.613.597	9.426.219.800	535.393.797	-
	Mua chứng quyền CMWG2002	2.502.100	3.149.893.015	2.640.397.800	509.495.215	-
	Mua chứng quyền CHDB2002	2.573.230	4.294.812.952	3.793.967.400	500.845.552	-
	Mua chứng quyền CVPB2005	1.922.990	4.509.680.750	4.046.634.100	463.046.650	-
	Mua một số chứng quyền khác	54.116.750	97.541.233.471	92.575.421.400	4.965.812.071	3.446.964.007
6	Hợp đồng tương lai				17.650.680.000	679.300.000
	Tổng cộng	192.585.993	8.907.461.105.041	8.789.164.102.554	156.881.145.874	104.500.547.308

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

29. Lãi/(Lỗ) từ các tài sản chính (Tiếp theo)

29.1. Lãi/(Lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL (Tiếp theo)

29.1.2. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước VND
1	Cổ phiếu niêm yết	22.288.695	635.847.250.650	677.219.620.824	41.372.370.174	37.871.598.445
	BSR	2.022.100	16.125.140.000	21.850.318.907	5.725.178.907	6.294.581.093
	PNJ	497.410	31.666.945.000	35.765.285.581	4.098.340.581	341.057.213
	MWG	925.700	94.064.286.000	98.824.804.406	4.760.518.406	2.036.376.819
	FPT	1.895.030	90.309.689.000	95.739.921.646	5.430.232.646	129.487.276
	HPG	2.783.290	66.303.623.500	70.169.417.634	3.865.794.134	3.900.718.153
	ACB	1.453.400	27.924.670.000	30.244.182.471	2.319.512.471	-
	VNM	215.220	23.065.763.000	25.180.089.861	2.114.326.861	643.718.980
	REE	1.590.260	49.579.619.000	52.190.668.921	2.611.049.921	838.293.352
	HDB	718.590	17.453.171.000	19.538.827.902	2.085.656.902	-
	VPB	3.977.530	90.458.232.500	93.567.439.406	3.109.206.906	-
	Cổ phiếu niêm yết khác	6.210.165	128.896.111.650	134.148.664.089	5.252.552.439	23.687.365.559
2	Chứng chỉ tiền gửi	100.402	631.887.089.886	631.921.618.950	34.529.064	-
3	Cổ phiếu chưa niêm yết	1.050.000	6.000.000.000	13.520.000.000	7.520.000.000	50.409.149.899
	OTCTLI	1.000.000	5.000.000.000	11.640.000.000	6.640.000.000	-
	OTCVIETRANSH	50.000	1.000.000.000	1.880.000.000	880.000.000	-
	OTCNEM	-	-	-	-	50.409.149.899
4	Trái phiếu niêm yết	30.890.001	3.286.600.760.000	3.287.333.000.000	732.240.000	175.830.000
	Trái phiếu TD2025006	1.600.000	162.193.900.000	162.412.300.000	218.400.000	-
	Trái phiếu TD1926170	1.610.001	184.731.640.000	184.823.878.540	92.238.540	12.000.000
	Trái phiếu TD2035026	1.450.000	146.341.500.000	146.408.900.000	67.400.000	-
	Trái phiếu TD2025005	3.300.000	330.047.000.000	330.083.300.000	36.300.000	-
	Trái phiếu niêm yết khác	22.930.000	2.463.286.720.000	2.463.604.621.460	317.901.460	163.830.000

B09-CTCK
 Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
 và cho năm tài chính kết thúc
 cùng ngày

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

29. Lãi/(Lỗ) từ các tài sản chính (Tiếp theo)

29.1. Lãi/(Lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL (Tiếp theo)

29.1.2. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (Tiếp theo)

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước VND
5	Trái phiếu chưa niêm yết	6.963.383	836.421.767.527	857.772.705.590	21.350.938.063	7.738.346.721
	Trái phiếu NVLBOND2019-03	1.197.860	123.999.919.917	134.923.916.737	10.923.996.820	358.899.408
	Trái phiếu NVLBOND2019-01	876.452	87.807.078.481	91.455.729.139	3.648.650.658	2.587.377.528
	Trái phiếu MATTROIPHUQUOCBOND2018	1.213	123.258.446.394	125.356.133.030	2.097.686.636	4.311.894.124
	Trái phiếu HPXBOND2018-01	2.291.053	239.042.237.108	240.632.553.700	1.590.316.592	337.800.466
	Trái phiếu BDIBOND2019-01	369.612	36.969.301.440	38.227.028.191	1.257.726.751	-
	Trái phiếu chưa niêm yết khác	2.227.193	225.344.784.187	227.177.344.793	1.832.560.606	142.375.195
6	Chứng quyền	112.560.300	233.190.730.307	255.944.814.638	26.589.235.561	2.900.836.731
	Đáo hạn chứng quyền CHPG2019	129.160			1.073.479.585	-
	Đáo hạn chứng quyền CMWG2009	413.660			822.452.736	-
	Đáo hạn chứng quyền khác	1.340.270			1.939.218.909	2.900.836.731
	Mua chứng quyền CHPG2019	11.089.380	33.214.073.149	37.783.632.800	4.569.559.651	-
	Mua chứng quyền CMSN2008	2.426.170	5.629.280.326	8.929.975.800	3.300.695.474	-
	Mua chứng quyền CSTB2009	4.994.850	15.836.442.696	17.455.740.900	1.619.298.204	-
	Mua chứng quyền CTCB2008	3.854.370	7.300.694.552	8.667.895.600	1.367.201.048	-
	Mua chứng quyền CTCB2011	1.614.530	6.256.393.600	7.617.966.600	1.361.573.000	-
	Mua chứng quyền CFPT1908	5.251.990	7.261.727.005	8.511.721.100	1.249.994.095	-
	Mua một số chứng quyền khác	81.445.920	157.692.118.979	166.977.881.838	9.285.762.859	-
7	Hợp đồng tương lai				14.492.120.000	869.680.000
	Tổng cộng	173.852.781	5.629.947.598.370	5.723.711.760.002	112.091.432.862	99.965.441.796

B09-CTCK

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

và cho năm tài chính kết thúc

cùng ngày

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

29. Lãi/(Lỗ) từ các tài sản chính (Tiếp theo)

29.2. Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND
FVTPL							
Cổ phiếu niêm yết	124.215.792.649	124.855.634.464	639.841.815	(13.473.281.101)	14.113.122.916	6.266.684.601	7.846.438.315
HPG	42.436.185.051	43.279.603.000	843.417.949	2.320	843.415.629	843.415.629	-
TCB	17.096.216.429	20.969.550.000	3.873.333.571	(281.728)	3.873.615.299	3.873.333.571	281.728
MSN	18.075.097.896	19.106.388.000	1.031.290.104	338.918.449	692.371.655	692.371.655	-
VNM	16.218.455.127	16.268.646.400	50.191.273	(43.650)	50.234.923	50.191.273	43.650
PNJ	7.272.234.294	7.654.176.000	381.941.706	81.676	381.860.030	381.860.030	-
VPB	3.982.178.682	4.301.862.500	319.683.818	(85.348)	319.769.166	319.683.818	85.348
SD3	9.157.541.200	3.323.988.000	(5.833.553.200)	(1.346.400)	(5.832.206.800)	-	(5.832.206.800)
VRE	2.890.008.883	3.168.950.800	278.941.917	29.267	278.912.650	278.912.650	-
MWG	2.141.697.926	2.198.698.800	57.000.874	(109.100)	57.109.974	57.000.874	109.100
STB	1.094.000.984	1.147.053.700	53.052.716	56.700	52.996.016	52.996.016	-
FPT	1.068.410.405	1.102.096.800	33.686.395	(489.028)	34.175.423	33.686.395	489.028
Cổ phiếu niêm yết khác	2.783.765.772	2.334.620.464	(449.145.308)	(13.810.014.259)	13.360.868.951	(316.767.310)	13.677.636.261
Tổng cộng	124.215.792.649	124.855.634.464	639.841.815	(13.473.281.101)	14.113.122.916	6.266.684.601	7.846.438.315

Trong đó, chi tiết lãi, lỗ đánh giá lại tài sản cơ sở từ hoạt động phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành chứng quyền như sau:

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND
FPT	1.042.460.106	1.069.650.900	27.190.794	63.757.200	(36.566.406)	(36.566.406)	-
GMD	-	-	-	(359.147.243)	359.147.243	-	359.147.243
HDB	-	47.500	47.500	-	47.500	47.500	-
HPG	42.368.924.224	43.200.019.000	831.094.776	337.998.442	493.096.334	493.096.334	-
KDH	361.908.162	386.760.000	24.851.838	-	-	-	-
MSN	18.074.424.770	19.105.499.000	1.031.074.230	(6.250.000)	1.037.324.230	1.031.074.230	6.250.000
MWG	2.134.710.246	2.191.327.000	56.616.754	-	56.616.754	56.616.754	-
PNJ	7.234.395.986	7.608.330.000	373.934.014	495.033.394	(121.099.380)	(121.099.380)	-
REE	-	-	-	(18.965.500)	18.965.500	-	18.965.500
STB	1.086.994.990	1.139.060.000	52.065.010	-	52.065.010	52.065.010	-
TCB	17.096.216.429	20.969.550.000	3.873.333.571	(145.624.563)	4.018.958.134	3.873.333.571	-
VHM	-	-	-	(27.722.000)	27.722.000	-	27.722.000
VNM	16.137.037.847	16.186.828.800	49.790.953	(947.636.020)	997.426.973	49.790.953	-
VPB	3.947.499.357	4.255.875.000	308.375.643	-	308.375.643	308.375.643	-
VRE	2.877.907.640	3.155.700.000	277.792.360	3.265.500	274.526.860	274.526.860	-

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

29. Lãi/(Lỗ) từ các tài sản chính (Tiếp theo)

29.2. Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính (Tiếp theo)

Lãi lỗ đánh giá lại chứng quyền của tổ chức phát hành:

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch giảm lũy kế VND	Chênh lệch tăng lũy kế VND
CFPT1908	250.899.271	261.096.500	10.197.229	-	10.197.229	-
CMSN2004	11.242.757.729	12.676.934.000	1.434.176.271	-	1.434.176.271	-
CMWG2002	87.169.058	98.523.000	11.353.942	-	11.353.942	-
CPNJ2004	-	-	-	(813.963.741)	-	(1.459.982.095)
CREE1905	2.387.506.093	2.916.228.000	528.721.907	-	528.721.907	49.395.802
CTCB2004	-	-	-	20.697.748	(20.697.748)	(552.063.601)
CVNM2003	-	-	-	155.423.391	(155.423.391)	(357.610.296)
CVPB2005	526.612.838	-	(526.612.838)	-	-	526.612.838
CFPT2007	1.479.770.079	1.736.108.000	256.337.921	-	544.555.716	-
CHDB2006	-	-	-	187.811.307	(295.066.567)	-
CMWG2009	257.776.546	268.569.000	10.792.454	-	10.792.454	-
CREE2004	-	-	-	(175.719.352)	-	(1.098.016.963)
CGMD1901	3.480.554.360	5.989.590.000	2.509.035.640	-	2.560.549.106	-
CHPG1908	3.257.595.593	3.180.721.500	(76.874.093)	-	75.658.915	76.874.093
CPNJ1902	1.004.078.764	1.150.342.400	146.263.636	-	181.431.645	-
CTCB1901	647.553.221	853.335.000	205.781.779	-	205.781.779	-
Tổng cộng	24.622.273.552	29.131.447.400	4.509.173.848	(625.750.647)	5.092.031.258	(2.814.790.222)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

29. Lãi/(Lỗ) từ các tài sản chính (Tiếp theo)

29.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Cổ tức	1.620.557.285	1.348.280.537
Trái tức	40.517.948.966	23.678.248.467
Tổng cộng	42.138.506.251	25.026.529.004

29.4. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	55.312.791.015	32.166.240.404
Trái tức	-	-
Lãi chứng chỉ tiền gửi	-	(162.739.726)
Tổng cộng	55.312.791.015	32.003.500.678

29.5. Lãi phát sinh từ các khoản cho vay và phải thu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập lãi cho vay giao dịch kỳ quỹ	296.068.347.832	293.297.684.987
Thu nhập lãi ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	22.410.251.153	16.995.894.629
Tổng cộng	318.478.598.985	310.293.579.616

29.6 Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Cổ tức	920.000.000	578.000.000
Tổng cộng	920.000.000	578.000.000

30. Doanh thu nghiệp vụ chứng khoán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu phí giao dịch chứng khoán môi giới	312.761.002.452	208.643.344.438
Doanh thu phí giao dịch chứng khoán phái sinh	37.340.295.280	41.545.003.000
Doanh thu môi giới khác	-	562.895.500
Tổng cộng	350.101.297.732	250.751.242.938

31. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	5.129.227.271	13.926.537.910
Doanh thu thu xếp phát hành trái phiếu	114.318.590.645	108.378.182.521
Tổng cộng	119.447.817.916	122.304.720.431

32. Thu nhập hoạt động khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	5.458.887.266	5.748.547.525
Doanh thu phí chuyển nhượng	2.020.652.518	2.145.791.790
Doanh thu dịch vụ Ngân hàng cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán	28.288.941.945	34.628.318.190
Doanh thu dịch vụ khác	16.160.428.239	31.045.605.399
Tổng cộng	51.928.909.968	73.568.262.904

33. Chi phí hoạt động tự doanh

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí tiền lương và chi phí khác cho nhân viên	9.800.276.362	10.481.406.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.184.341.493	1.230.004.092
Chi phí khác	15.804.982.891	13.215.245.526
Tổng cộng	26.789.600.746	24.926.656.046

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

34. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	64.404.913.998	45.217.576.055
Chi phí tiền lương và chi phí khác cho nhân viên	134.797.109.367	115.210.313.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.766.153.905	33.497.971.927
Chi phí lương kinh doanh cộng tác viên kinh doanh và các khoản chi khác	79.929.693.564	74.951.784.299
Phí thiết bị đầu cuối phân bổ cho hoạt động môi giới	34.006.804	44.628.800
Tổng cộng	317.931.877.638	268.922.275.021

35. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	41.299.110.179	50.583.107.489
Chi phí lãi vay ngân hàng	63.694.532.487	48.842.619.838
Chi phí cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức	73.509.452.822	66.261.946.712
Chi phí hoa hồng phát hành trái phiếu	8.780.229.943	8.791.016.264
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.021.623	-
Tổng cộng	187.285.347.054	174.478.690.303

36. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lương và các khoản phúc lợi	56.292.935.734	40.023.003.694
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	2.704.448.793	1.967.175.050
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.177.720.882	950.174.150
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.530.448.838	1.821.329.654
Chi phí thuế, phí, lệ phí	111.718.877	164.254.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.036.089.261	14.464.765.826
Chi phí khác	26.240.813.620	32.927.211.853
Tổng cộng	187.285.347.054	174.478.690.303

37. Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập từ vi phạm thực hiện hợp đồng	158.440.371	-
Thu nhập khác	3.080.943.491	8.603.570.496
Tổng cộng	3.239.383.862	8.603.570.496

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp

38.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo thu nhập toàn diện vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% (năm 2018: 20%) trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp (Tiếp theo)

38.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp (Tiếp theo)

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	336.105.078.681	288.578.263.816
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không được khấu trừ	3.446.425.487	5.168.599.757
Các khoản điều chỉnh giảm		
- Thu nhập từ cổ tức	(2.540.557.285)	(1.926.280.537)
- Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	(30.771.320.183)
- Chênh lệch thuần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(6.206.301.436)	(21.740.128.988)
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(12.586.680)	(808.291)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	330.792.058.767	239.308.325.574
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính cho năm hiện hành	66.158.411.754	47.861.665.115
Thuế TNDN phải nộp thêm	-	411.849.179
Tổng cộng	66.158.411.754	48.273.514.294

38.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
Số dư đầu năm	2.095.359.170	12.596.607.569
Các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế		
- Lỗi lũy kế từ chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(6.206.301.436)	(21.740.128.988)
- Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	(30.771.320.183)
Thuế suất tính thuế hoãn lại trong năm hiện hành	20%	20%
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	(1.241.260.287)	(10.502.289.834)
Điều chỉnh thuế thu nhập hoãn lại do đánh giá lại tỷ giá cuối năm trước	-	1.041.435
Số dư cuối năm	854.098.883	2.095.359.170

39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông:

	Năm 2020	Năm 2019
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	155.285.986	122.116.554
	Năm 2020	Năm 2019 (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế - VND	268.705.406.640	229.802.459.686
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng nhân viên - VND	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	268.705.406.640	229.802.459.686
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	155.285.986	122.116.554
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	1.730	1.882

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

40. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Quân Đội	155.285.986
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	
Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội	Năm 2020
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas	268.705.406.640
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	-
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	268.705.406.640

Số dư trọng yếu với các bên liên quan của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Nội dung nghiệp vụ	31/12/2020 Phải thu/(Phải trả) VND	31/12/2019 Phải thu/(Phải trả) VND	
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Tiền gửi thanh toán của Công ty	30.143.673.271	228.169.753.092
	Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty	542.320.000.000	640.000.000.000
	Lãi dự thu tiền gửi của Công ty	13.511.698.959	-
	Tiền gửi giao dịch của Nhà đầu tư	1.110.119.671.561	119.520.561.963
	Phải thu phí hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán	782.863.203	32.241.127
	Phải trả chi phí thuê văn phòng	(332.000.000)	-
	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ MB Ageas	Đặt cọc thuê văn phòng	(1.111.228.170)
Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội	Đặt cọc thuê văn phòng	13.258.300	-
	Phải trả chi phí tiền điện và thuê văn phòng	(80.178.296)	-

Giá trị các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2020 và năm 2019 như sau:

Nội dung nghiệp vụ	31/12/2020 Phải thu/(Phải trả) VND	31/12/2019 Phải thu/(Phải trả) VND	
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn	39.987.862.684	12.366.968.307
	Doanh thu phí quản lý cổ đông	600.000.000	600.000.000
	Doanh thu phí hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán	28.288.941.945	34.628.318.190
	Chi phí môi giới MBS Bond	(640.000.000)	(14.460.000.000)
	Chi phí quảng cáo	-	(792.000.000)
	Phí giao dịch chứng khoán	(225.000.000)	1.552.739.161
	Thu nhập quảng cáo	-	909.090.909
Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội	Chi phí tiền điện và thuê văn phòng	(14.259.373.259)	(14.822.613.013)
	Doanh thu tư vấn tài chính	-	80.000.000
	Chi phí tư vấn giá trị tài sản	(43.400.000)	-
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas	Doanh thu cho thuê văn phòng	4.040.829.708	4.040.829.708
	Thu nhập khác	-	6.909.091
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	Doanh thu phí tư vấn	-	100.000.000
	Chi phí bảo hiểm	(1.770.123.454)	(1.574.224.938)
Công ty Tài chính TNHH MB SHINSEI	Thu lãi tiền gửi	-	90.410.959
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Doanh thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	199.280.434	119.829.352
	Doanh thu khác	-	38.181.818
	Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	(107.000.000)	(48.000.000)
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Tiền lương, thưởng và thù lao	(13.485.250.351)	(18.138.506.494)

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

41. Những thông tin khác

41.1. Thông tin báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các loại hình sản phẩm dịch vụ chính mà bộ phận đó cung cấp.

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Ngân hàng đầu tư VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	685.450.583.094	258.704.337.519	119.465.931.065	58.008.296.775	1.121.629.148.453
1. Doanh thu hoạt động	(334.030.544.070)	(130.029.565.895)	(54.877.078.063)	28.665.481.912	(490.271.706.116)
2. Các chi phí trực tiếp	(180.434.776.599)	(68.100.108.887)	(31.447.647.890)	(15.269.830.280)	(295.252.363.656)
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	170.985.262.425	60.574.662.737	33.141.205.112	71.403.948.407	336.105.078.681
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế					
Tài sản bộ phận (*)	4.165.325.817.197	2.646.108.784.598	-	17.796.989.791	6.829.231.591.586
Tài sản phân bổ (*)	152.120.233.943	57.413.568.995	26.512.757.929	12.873.627.791	248.920.188.658
Tổng tài sản	4.317.446.051.140	2.703.522.353.593	26.512.757.929	30.670.617.582	7.078.151.780.244
3. Nợ phải trả bộ phận	29.191.750.313	421.677.416.387	-	-	450.869.166.700
4. Nợ phân bổ	2.752.705.894.242	1.038.932.597.504	479.764.086.157	232.955.933.492	4.504.358.511.395
Tổng công nợ	2.781.897.644.555	1.460.610.013.891	479.764.086.157	232.955.933.492	4.955.227.678.095

(*) Khoản mục được trình bày không bao gồm số dự phòng suy giảm giá trị.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý.

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

và cho năm tài chính kết thúc

cùng ngày

41. Những thông tin khác (Tiếp theo)

41.2. Cam kết thuê hoạt động

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Đến 1 năm	21.817.459.404	21.590.679.600
Từ 1 đến 5 năm	14.172.561.274	28.300.979.634
Tổng cộng	35.990.020.678	49.891.659.234

41.3. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có số dư ngoại tệ rất nhỏ như được trình bày trong Thuyết minh số 28.3. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro ngoại tệ của Công ty là rất thấp. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết của Công ty lần lượt là 71.038.500.744 VND và 104.409.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 98.551.166.882 VND và không có trái phiếu niêm yết). Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay và phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Kế toán theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

41. Những thông tin khác (Tiếp theo)

41.3. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu bị suy giảm giá trị như được trình bày dưới đây:

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND	Quá hạn và bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	96.948.819.458	-	-	96.948.819.458
Các khoản cho vay	4.123.339.761.796	-	-	4.123.339.761.796
Các khoản phải thu	25.728.135.701	-	3.499.900.000	29.228.035.701
Tổng cộng	4.246.016.716.955	-	3.499.900.000	4.249.516.616.955

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp và Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

41. Những thông tin khác (Tiếp theo)

41.3. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)	Quá hạn VND	Đến 01 năm VND	Từ 01 – 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH					
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	96.948.819.458	-	-	96.948.819.458
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	1.468.603.179.653	-	-	1.468.603.179.653
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	889.565.039.025	-	-	889.565.039.025
Các khoản cho vay	-	4.123.339.761.796	-	-	4.123.339.761.796
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	113.365.529.369	-	-	113.365.529.369
Các khoản phải thu	-	173.720.937.668	-	-	173.720.937.668
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	3.499.900.000	19.768.332.110	-	-	23.268.232.110
Các khoản phải thu khác	-	5.959.803.591	-	-	5.959.803.591
Tài sản ngắn hạn khác	-	33.881.234.678	-	-	33.881.234.678
Tài sản cố định	-	-	-	53.153.319.005	53.153.319.005
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	-	-	-	15.456.433.957	15.456.433.957
Tiền nộp Quỹ bù trừ	-	-	-	10.089.791.367	10.089.791.367
Các tài sản dài hạn	-	-	70.799.698.567	-	70.799.698.567
Tổng cộng	3.499.900.000	6.925.152.637.348	70.799.698.567	78.699.544.329	7.078.151.780.244
NỢ TÀI CHÍNH					
Vay ngắn hạn	-	2.206.843.000.000	-	-	2.206.843.000.000
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	40.209.367.939	-	-	40.209.367.939
Phải trả người bán ngắn hạn	-	408.518.796.761	-	-	408.518.796.761
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	2.141.002.000	-	-	2.141.002.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	45.505.365.098	-	-	45.505.365.098
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	49.485.192.001	-	-	49.485.192.001
Phải trả, phải nộp khác	-	20.928.708.507	-	-	20.928.708.507
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.998.030.365.477	-	-	1.998.030.365.477
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	4.044.511.378	4.044.511.378
Trái phiếu phát hành dài hạn	-	222.591.654.921	(44.399.679.657)	-	178.191.975.264
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	1.329.393.670	-	1.329.393.670
Tổng cộng	-	4.994.253.452.704	(43.070.285.987)	4.044.511.378	4.955.227.678.095
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	3.499.900.000	1.930.899.184.644	113.869.984.554	74.655.032.951	2.122.924.102.149

Thuyết minh báo cáo tài chính (Tiếp theo)

B09-CTCK
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020
và cho năm tài chính kết thúc
cùng ngày

42. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập biểu



Bà Lê Thị Thu Hiền
Phó phòng Kế toán

Người kiểm soát



Ông Nguyễn Văn Học
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 2 tháng 2 năm 2021

